

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ
VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 299./SMBĐ - CBTT

Vũng Tàu, ngày 27 tháng 04 năm 2020

V/v: Công bố báo cáo thường
niên năm 2019

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

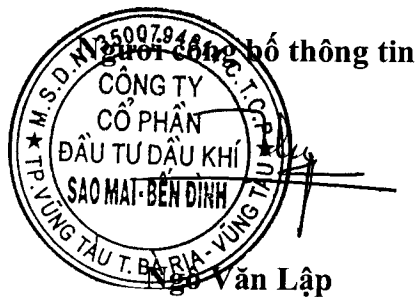
1. Công ty : Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình
2. Mã chứng khoán: PSB
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 65A3, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp.Vũng Tàu
4. Điện thoại : 0254.3624188 Fax: 0254.3624189
5. Người thực hiện công bố thông tin : Ngô Văn Lập ĐT: 0908036456
6. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình xin gửi kèm Báo cáo thường niên năm 2019 đến Quý Ủy ban và Quý Sở, đồng thời đăng tải trên trang thông tin của Công ty tại địa chỉ: www.pvsb.com.vn theo quy định.

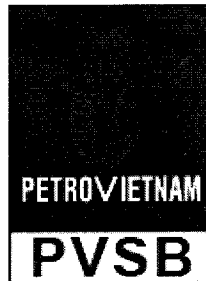
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT (để b/c);
- Ban KS Cty (để b/c);
- Ban GD Cty;
- Ban BT Website (để thực hiện);
- Lưu VT; NTH (scan).



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ
SAO MAI - BẾN ĐÌNH (PVSB)**



FS 616818

EMS 616819



ISO 9001:2008
FS 616818

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2019**

Thông điệp của Hội đồng quản trị:

Quý vị cổ đông kính mến!

Năm 2019 tình hình kinh tế xã hội nước ta diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại, căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung và vấn đề chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu. Biến động khó lường trên thị trường tài chính - tiền tệ quốc tế, giá dầu diễn biến phức tạp tác động đến tăng trưởng tín dụng, tâm lý và kỳ vọng thị trường.

Đối mặt với những khó khăn nói trên, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình (SMBĐ) với tư cách là Công ty thành viên của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ Thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) trong thời gian qua, đã nhận được rất nhiều sự quan tâm, giúp đỡ, hỗ trợ, tạo điều kiện của Tập đoàn Dầu khí, Tổng Công ty PTSC và các đơn vị bạn để tham gia cung cấp các sản phẩm, dịch vụ...cho khách hàng trong và ngoài ngành. Năm 2019 với sự đoàn kết, quyết tâm tập thể CBCNV Công ty SMBĐ đã thực hiện tốt nhiệm vụ kế hoạch 2019 được giao. Mọi nguồn lực của Công ty tiếp tục được bảo toàn và tăng trưởng, các chỉ số tài chính được đánh giá ở mức độ an toàn, năng lực cạnh tranh và vị thế thương hiệu của Công ty ngày càng ổn định và bền vững.

Kính thưa Quý vị cổ đông,

Theo nhận định của HĐQT, bước sang năm 2020, ngành công nghiệp dầu khí vừa trải qua giai đoạn khủng hoảng kéo dài, nay tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn hơn nữa, dịch bệnh viêm phổi Covid-19 bùng phát gây tổn thất nặng nề và làm đình trệ nền kinh tế toàn cầu, trong đó dầu mỏ là một trong những lĩnh vực chịu ảnh hưởng rõ nhất do nhu cầu tiêu thụ giảm nhanh, giá dầu trên thị trường thế giới đã giảm đến mức thấp



nhất trong 5 năm gần đây. Tình hình kinh tế thế giới khủng hoảng gây ảnh hưởng tiêu cực đến các kế hoạch đầu tư và phát triển dự án đang trên đà phục hồi và chuẩn bị triển khai, đặt ra viễn cảnh nhiều khó khăn, thách thức cho ngành dầu khí nói chung và hoạt động SXKD của Công ty nói riêng. Trước tình hình khó khăn hiện tại, Công ty SMBĐ đưa ra các giải pháp nhằm duy trì ổn định và nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu SXKD. Với những lợi thế sẵn có, với quan điểm từng bước bảo toàn phát triển bền vững, với tất cả những nguồn lực, năng lực kinh nghiệm cùng sự quyết tâm của tập thể cán bộ công nhân viên Công ty và nhất là với sự giúp đỡ ủng hộ của Quý vị cổ đông, chúng ta hoàn toàn tin tưởng sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể CBCNV trong Công ty, tôi xin trân trọng gửi lời cảm ơn sâu sắc vì sự tin tưởng, hỗ trợ thiết thực của Quý khách hàng, Quý cổ đông, mà đặc biệt là Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam đã dành cho Công ty SMBĐ.

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Trần Hải Bình

NỘI DUNG

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát.
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.
4. Định hướng phát triển.
5. Các rủi ro.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Tổ chức và nhân sự.
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
5. Báo cáo các tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Tình hình tài chính.
3. Tình hình nợ phải trả.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc.
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.

1. Hội đồng quản trị.
2. Ban kiểm soát.

VI. KẾ HOẠCH NĂM 2020

1. Kế hoạch tài chính chủ yếu
2. Kế hoạch thực hiện cụ thể

VII. MINH BẠCH THÔNG TIN

VIII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

Tên giao dịch đối ngoại : **SAOMAI – BENDINH PETROLEUM INVESTMENT JSC**

Giá chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số: 3500794814 (Đăng ký lần đầu ngày 07/05/2007, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 26/04/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu cấp).

Vốn điều lệ : 500.000.000.000 đồng (năm trăm tỷ đồng)

Địa chỉ trụ sở : Số 65 A3, đường 30/4, Phường Thắng Nhất, TP.Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT

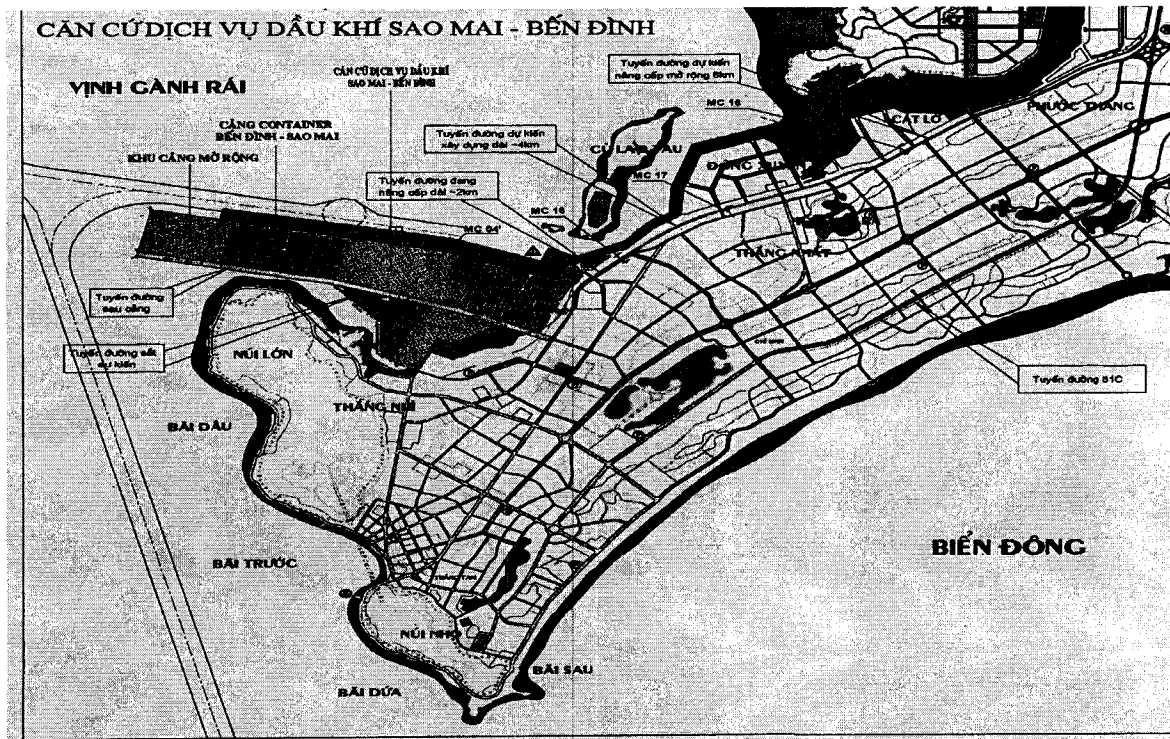
Điện thoại : 0254.3628188

Fax : 0254.3628189

Email : saomaibendinh@pvsb.com.vn

Website : www.pvsb.com.vn

Mã cổ phiếu : PSB



(Sơ đồ vị trí Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình tại Tp.Vũng Tàu)

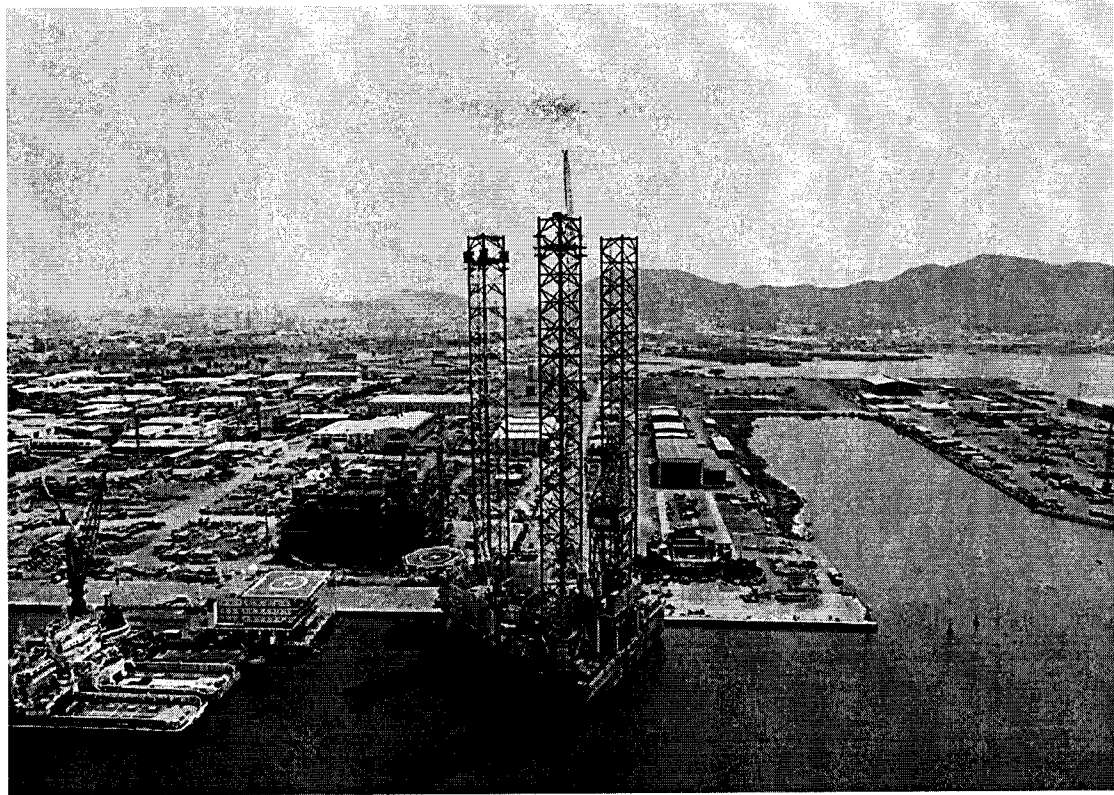
Quá trình hình thành và phát triển: Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (SMBĐ) là doanh nghiệp do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cổ đông chiến lược sáng lập, hiện nay là đơn vị thành viên của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC). Nhiệm vụ trọng tâm của Công ty là đầu tư, xây dựng, vận hành và khai thác Tổ hợp Cảng - Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí tại khu vực Sao Mai - Bến Đình thuộc thành phố Vũng Tàu với quy mô hiện đại để phục vụ công tác thăm dò, tìm kiếm, khai thác dầu khí và thực hiện các dịch vụ dầu khí...

- 06/04/2007: Công ty được thành lập theo Nghị quyết số 1847/NQ-DKVN ngày 06/04/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 24/04/2007: Đại hội đồng cổ đông lần thứ 1 đã thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (SMBĐ); Phương án đầu tư Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.
- 07/05/2007: Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
- 24/03/2008: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định thu hồi đất để bàn giao cho SMBĐ
- 11/11/2009: Hoàn thành việc đầu tư cơ sở hạ tầng mặt bằng bãi 39,8ha và bàn giao cho Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí PV Shipyard thuê.
- 25/12/2009: Niêm yết thành công cổ phiếu của Công ty trên sàn chứng khoán Việt Nam (UPCOM) với mã chứng khoán PSB.
- 26/04/2010: Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập *Dự án Cảng container Quốc tế Vũng Tàu và Khu hậu cần Logistics*, Công ty SMBĐ, Công ty BSPD (thuộc Vinalines) và Tập đoàn Trung Hoa Chiêu thương Cục (CMG) sau khi đàm phán đã ký kết Hợp đồng Liên doanh ngày 26/04/2010 để thành lập Công ty Cổ phần Cảng container Quốc tế Vũng Tàu với tỷ lệ tham gia SMBĐ 25%, BSPD 26% và CMHI 49%.
- 16/09/2010: Hoàn thành việc đầu tư cơ sở hạ tầng mặt bằng bãi 23,5ha và bàn giao cho Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí PVC-MS thuê.
- 01/01/2012: Hợp đồng Liên doanh hết thời hạn hiệu lực, Công ty SMBĐ đã thông báo quyết định chấm dứt Hợp đồng Liên doanh ký ngày 26/04/2010 và đã được các bên liên doanh chấp thuận theo đúng quy định.
- 16/07/2012: Thủ tướng Chính phủ cho phép chủ trương tiếp tục thực hiện đầu tư Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.
- 27/09/2012: UBND tỉnh BR - VT cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 49121000147 để thực hiện đầu tư Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.

- 08/07/2015: Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký hợp đồng thuê đợt 1
- 10/08/2015: Khởi công đầu tư xây dựng Dự án khu dịch vụ dầu khí 35ha (Phân kỳ I)
- 01/11/2017: Hoàn thành, nghiệm thu và đưa vào sử dụng công trình nhà văn phòng Container.
- Năm 2018: Hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng khu bãi 7ha.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

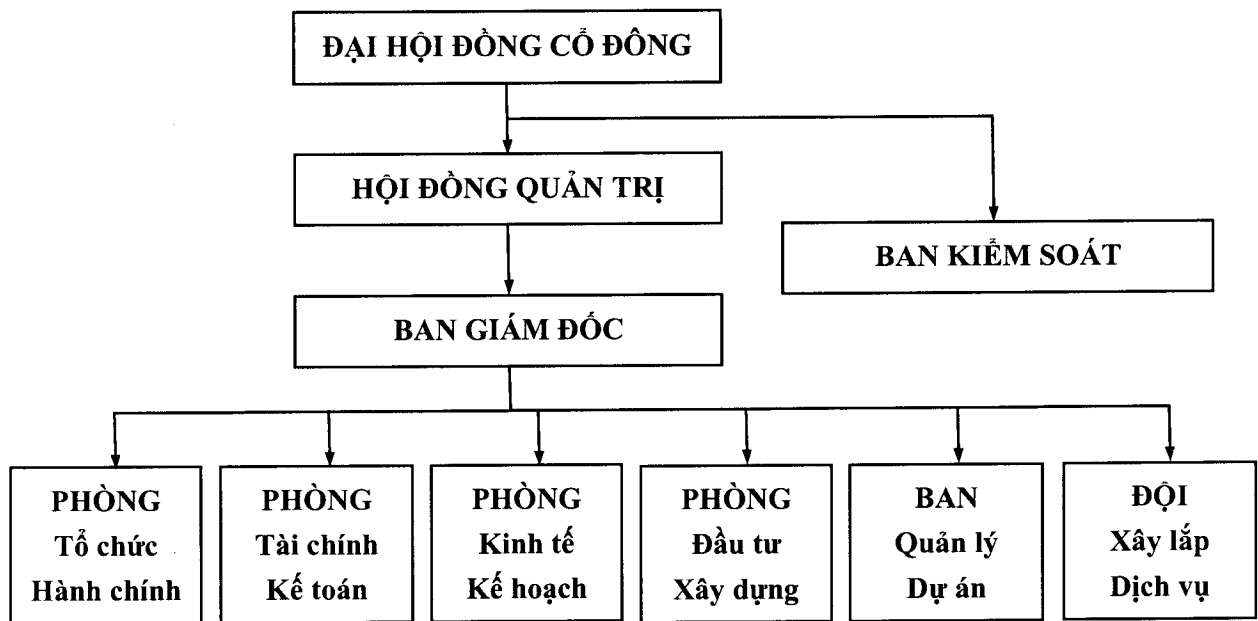
- 2.1. Khai thác cụm Cảng và Khu kinh tế Sao Mai - Bến Đình; cụm cảng container;
- 2.2. Đóng mới, sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nổi; Lắp ráp giàn khoan và các công trình nổi phục vụ ngành dầu khí; Sản xuất, sửa chữa và cho thuê container; Mua bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí và hàng hải;
- 2.3. Xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí, kho chứa các sản phẩm dầu khí, các công trình đường ống dẫn dầu - khí - nhiên liệu; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp; Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước; Xây dựng kết cấu công trình; Xây dựng công trình điện đến 35KV; Xây dựng công trình ngầm; Xây dựng nhà các loại;
- 2.4. Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình công nghiệp; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình đường dây và TBA đến 35KV; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình đường giao thông; Giám sát công tác hoàn thiện công trình dân dụng;
- 2.5. Kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy nội địa; phân bón, vật liệu xây dựng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp);
- 2.6. Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn nguyên liệu bông xơ; thuốc nhuộm; Bán buôn nguyên phụ liệu, bao bì cho ngành dệt may; Bán buôn nhựa đường và các nguyên liệu hóa chất, phụ gia sản xuất nhựa đường; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh: Hạt nhựa polypropylen và các sản phẩm khác có liên quan;
- 2.7. Cho thuê các phương tiện vận tải, kho bãi; Vận tải hàng bằng đường bộ; Vận tải dầu thô và các sản phẩm lọc hóa dầu; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- 2.8. Cung ứng nhân lực lao động.



(Khu vực Cảng - Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình hiện tại)

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Cơ cấu bộ máy quản lý:



3.2. Cơ cấu cổ đông:

+ Cổ phần:

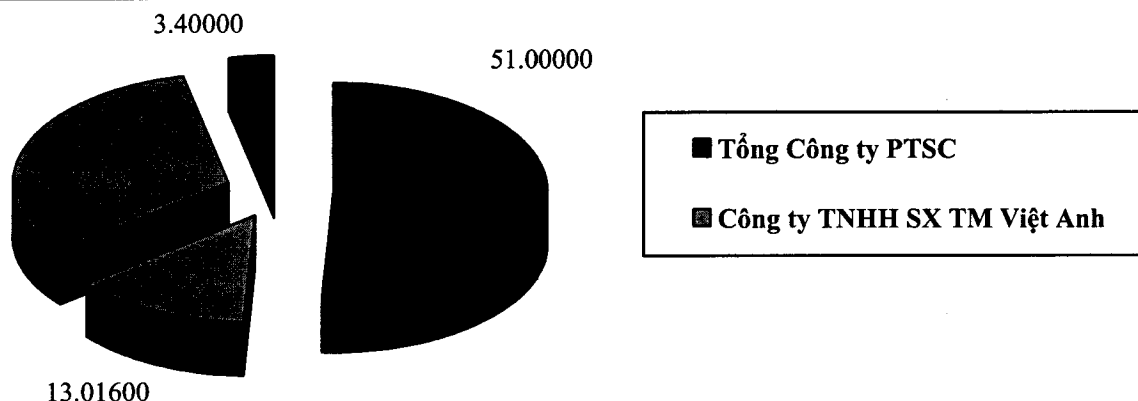
- Tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành: 50.000.000 CP
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

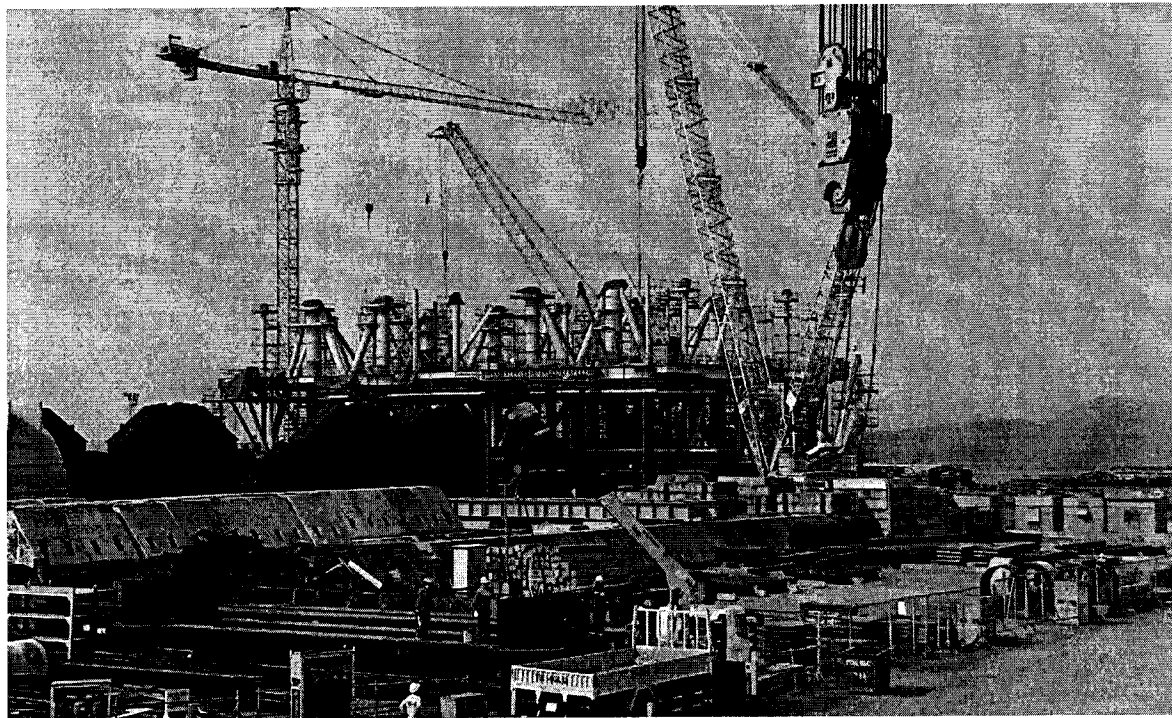
+ Cơ cấu cổ đông (cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 12/02/2020):

STT	Tên cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
I.	TRONG NƯỚC:		
1	Tổng Công ty PTSC	25.500.000	51,00
2	Công ty TNHH SXTM Việt Anh	6.508.100	13,016
3	Ngân hàng GP Bank	1.700.000	3,40
4	Cổ đông khác	16.289.600	32,579
II.	NGOÀI NƯỚC:		
	Tanioka Hiroyasu	2.300	0,005
	TỔNG CỘNG	50.000.000	100,00

+ Danh sách cổ đông lớn:

STT	Tên cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty PTSC	25.500.000	51,00
2	Công ty TNHH SXTM Việt Anh	6.508.100	13,016





(Thi công chế tạo và lắp đặt tổ hợp sàn Upper Deck của Dự án HRD cho PTSC - MC)

4. Định hướng và phát triển:

Với mục tiêu “Xây dựng SMBĐ trở thành công ty dịch vụ hạ tầng dầu khí, hàng hải mạnh có thương hiệu trong nước và trong khu vực, trong đó lấy việc xây dựng hạ tầng làm then chốt ...”, Công ty SMBĐ sẽ tập trung thực hiện các nhiệm vụ chiến lược sau:

- 4.1. Đẩy nhanh công tác xây dựng hệ thống dịch vụ căn cứ cảng và đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng để khai thác và cho thuê tại khu vực Sao Mai – Bến Đình.
- 4.2. Quản lý, khai thác và phát triển các dịch vụ tiện ích, cơ sở hạ tầng.
- 4.3. Khai thác tối đa các dịch vụ cảng, mở rộng phát triển dịch vụ hậu cần, dịch vụ tổng hợp dầu khí và các dịch vụ hỗ trợ khác.
- 4.4. Tập trung phát triển các loại hình dịch vụ dầu khí có hàm lượng công nghệ kỹ thuật cao, tiềm năng thị trường tốt bao gồm:
 - Dịch vụ xây lắp cơ khí, chế tạo các công trình dầu khí.
 - Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa các công trình dầu khí, các phương tiện nổi.
 - Dịch vụ thu dọn, tháo dỡ các công trình dầu khí.
 - Dịch vụ vận chuyển, hạ thủy các kết cấu siêu trường siêu trọng.
 - Dịch vụ thương mại dầu khí.
 - Dịch vụ cung ứng nhân lực dầu khí.

4.5. Tập trung đào tạo, xây dựng, duy trì và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng tốt yêu cầu phát triển theo từng giai đoạn của Công ty.

4.6. Hoàn thiện hệ thống quản lý tiên tiến trong Công ty đảm bảo sự điều hành thống nhất, đảm bảo tính chủ động, linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

4.7. Tăng cường tìm kiếm và mở rộng mối quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược, đặc biệt là các đối tác nước ngoài nhằm tận dụng tối đa lợi thế sẵn có của đối tác như kinh nghiệm, khả năng tài chính, công nghệ, thiết bị hiện đại, thị trường toàn cầu, trên cơ sở đó nâng cao lợi thế cạnh tranh của Công ty.

5. Các rủi ro:

Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp là một quy trình được thiết lập bởi Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý có liên quan khác áp dụng trong quá trình xây dựng chiến lược doanh nghiệp thực hiện những sự vụ có khả năng xảy ra gây ảnh hưởng tới doanh nghiệp đồng thời quản lý rủi ro trong phạm vi cho phép nhằm đưa ra mức độ đảm bảo trong việc đạt được các mục tiêu của doanh nghiệp.

Đặc thù của lĩnh vực dầu khí hiện nay phải đối mặt với nhiều rủi ro vì vậy ngay từ ngày đầu thành lập, công tác quản trị rủi ro đã được Công ty đặc biệt quan tâm. Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro nghiêm ngặt. Hệ thống quản trị rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Các rủi ro tại Công ty được chia thành các nhóm chính sau:

- **Rủi ro trong kinh doanh:** là tất cả những yếu tố rủi ro phát sinh từ môi trường kinh doanh bên ngoài Công ty như: chính trị, xã hội, khoa học công nghệ, nhà cung cấp, khách hàng, đối thủ cạnh tranh...
- **Rủi ro trong hoạt động:** là các rủi ro về vi phạm quy định chính sách nội bộ của Công ty hoặc các hoạt động gian lận như: tham ô, mất mát, lãng phí, hư hỏng, lạm dụng, phá hoại...
- **Rủi ro tuân thủ:** là các rủi ro liên quan đến pháp luật, hay chính là những việc vi phạm các văn bản pháp luật của nhà nước...
- **Rủi ro tài chính:** là những rủi ro liên quan đến các thiệt hại có thể xảy ra đối với thị trường tài chính do sự thay đổi của các biến số tài chính: giá cả, lãi suất, tỷ giá...

Việc kiểm soát rủi ro được thực hiện theo quy trình chặt chẽ phù hợp với đặc thù công việc của Công ty, đảm bảo tuyệt đối về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường, nâng cao hiệu suất, hiệu quả lao động và tuân thủ luật pháp.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

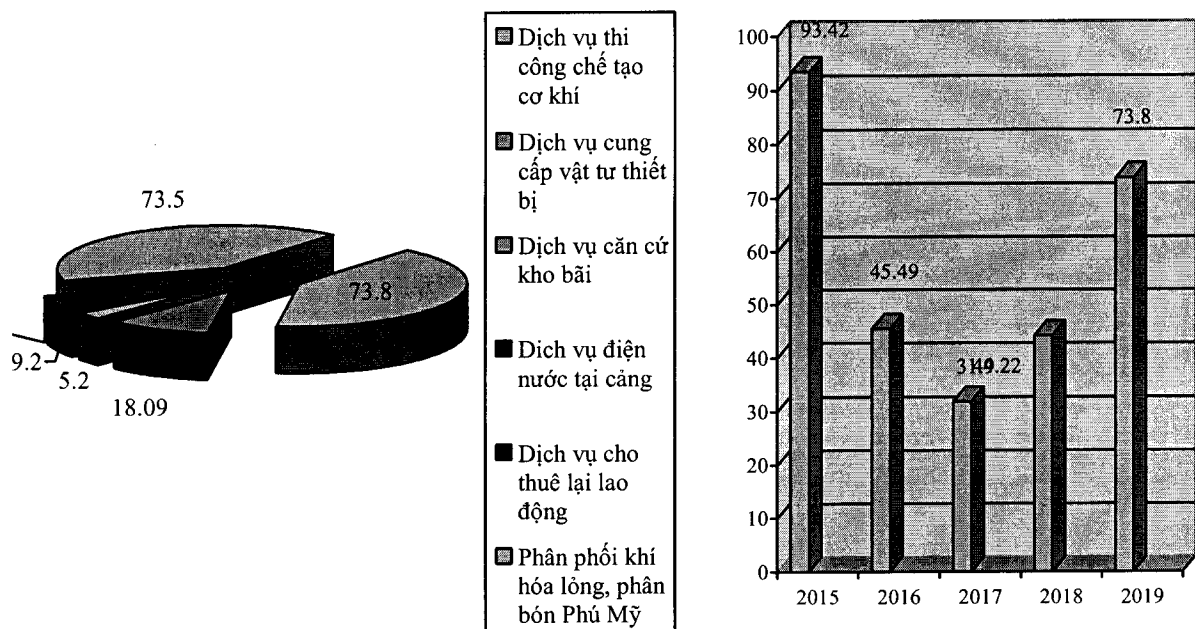
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Trong năm qua, Công ty đã cố gắng bám sát các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty, PVN để tìm kiếm công việc, sau đó đưa ra các phương án cụ thể cho việc thực hiện triển khai công việc. Công ty thực hiện nhiều giải pháp, tổ chức triển khai các chương trình hành động, huy động mọi nguồn lực, tập trung chỉ đạo điều hành một cách quyết liệt nhằm duy trì và thực hiện tốt nhất có thể các chỉ tiêu kế hoạch, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Doanh thu năm 2019 vượt mức so với kế hoạch đề ra, tuy nhiên chỉ tiêu lợi nhuận không đạt như kỳ vọng. Nguyên nhân chính của sự sụt giảm lợi nhuận là do Công ty dự kiến cho PTSC MC thuê mặt bãi 7ha nhưng PTSC MC chưa tiến hành thuê nên đến nay Công ty vẫn chưa khai thác được, trong khi đó phải gánh chi phí khấu hao mặt bãi, gây ảnh hưởng trực tiếp đến chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty.

Công ty SMBĐ hoạt động chủ yếu là dịch vụ thương mại cung cấp vật tư thiết bị, xây lắp chế tạo cơ khí cho các đơn vị trong ngành nên khó khăn chung của toàn ngành đã ảnh hưởng rất lớn đến nguồn việc và công tác đầu tư của Công ty. Lường trước những khó khăn như đã nêu trên, HĐQT đã hỗ trợ, chỉ đạo sát sao cùng với Ban Giám đốc tích cực mở rộng thị trường, ngành nghề kinh doanh, tìm kiếm hướng đi mới nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty, đồng thời tăng cường kiểm soát chặt chẽ, tiết giảm tối đa chi phí trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản và các hoạt động của Công ty, không gây thất thoát lãng phí, bảo toàn và sử dụng nguồn vốn của Công ty một cách hiệu quả để cơ bản hoàn thành cao nhất các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 đã được ĐHCĐ giao.



Biểu đồ cơ cấu tỷ trọng doanh thu năm 2019

Biểu đồ tăng trưởng doanh thu dịch vụ cơ khí

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Tổng doanh thu năm 2019 là 207,48 tỷ đồng, đạt 114% so với kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế năm 2019 là 1,3 tỷ đồng, đạt 62% kế hoạch năm.

Chi tiết kết quả thực hiện như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	% hoàn thành so với KH năm 2019
1	Vốn chủ sở hữu	561,55	561,19	100
-	<i>Trong đó Vốn điều lệ</i>	<i>500,00</i>	<i>500,00</i>	<i>100</i>
2	Tổng Doanh thu	181,40	207,48	114
a	Doanh thu hoạt động SXKD	156,40	181,40	116
b	Doanh thu hoạt động tài chính	25,00	24,69	98,7
c	Thu nhập khác	-	1,39	-
3	Lợi nhuận trước thuế	2,11	1,30	61,6
4	Lợi nhuận sau thuế	0,80	0,41	51,25
5	Tổng số thuế, và các khoản phải nộp	1,45	0,39	26,9
6	Đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm PTTB			
7	Số lao động cuối kỳ	80	80	98,8

2. Tổ chức và nhận sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

① Ông PHÙNG NHƯ DŨNG

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- + Sinh ngày: 28/01/1969 tại Hà Nội
- + Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị Kinh doanh, kỹ sư Cơ khí.
- + Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0



QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 06/1991 – 05/1992: Trung tâm nghiên cứu May – Hà Nội.
- + 06/1992 – 06/1993: Công ty Địa Vật lý và DVĐK – Hà Nội.
- + 07/1993 – 07/1995: Đốc công – XN Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC – Vũng Tàu.
- + 08/1995 – 12/1999: Phó phòng, Trưởng phòng Kế hoạch Sản xuất – XN Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC – Vũng Tàu.
- + 01/2000 – 04/2001: Phó Giám đốc – XN Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC – Vũng Tàu.
- + 05/2001 – 10/2001: Quyền Giám đốc – XN Dịch vụ Vật tư Thiết bị và Nhiên liệu – VT.
- + 11/2001 – 12/2003: Trưởng ban quản lý Dự án Nhà máy Chế biến Condensate.
- + 01/2004 – 01/2006: Giám đốc - Nhà máy Chế biến Condensate.
- + 02/2006 – 03/2007: Phó Tổng giám đốc – Công ty Chế biến và Kinh doanh SP Dầu mỏ, kiêm Giám đốc XN Xăng dầu DK Vũng Tàu.
- + 04/2007 – 05/2007: Phó Tổng GD Cty TNHH 1 TV Chế biến và Kinh doanh SP Dầu mỏ.
- + 06/2007 – đến nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.

② Ông ĐẶNG ĐỨC HÒI
PHÓ GIÁM ĐỐC



- + Sinh ngày: 01/11/1962 tại Nam Định
- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- + Số lượng CP sở hữu cá nhân: 2.692

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 09/1987 – 02/1991: XN Liên hợp XL Dầu khí.
- + 03/1991 – 07/1995: Kế toán Trưởng – Đội xây dựng số 6 thuộc XN Liên hợp Xây lắp Dầu khí.
- + 08/1995 – 02/2001: Kế toán Trưởng – XN Thiết kế và Khảo sát – Công ty Thiết kế và XD Dầu khí.
- + 03/2001 – 11/2004: Chuyên viên Tài chính Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí.
- + 12/2004 – 04/2007: Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Phòng Tài chính – Kế toán; Kế toán Trưởng Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí.
- + 05/2007 – 07/2009: Kế toán Trưởng – Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình (SMBĐ).
- + 08/2009 – đến nay: Phó Giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình (SMBĐ).

③ Ông TRẦN CHÍ DŨNG
PHÓ GIÁM ĐỐC



- + Sinh ngày: 03/05/1976 tại Hà Tĩnh
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
- + Số lượng CP sở hữu cá nhân: 975

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 07/1999 – 06/2002: Công ty Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Thương mại – Bộ Thương Mại.
- + 06/2002 – 06/2003: Đội trưởng đội thi công – Chi nhánh Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng tại Tp Hồ Chí Minh.
- + 06/2003 – 08/2005: Chuyên viên Ban quản lý Dự án Cảng PTSC – Tổng Công ty PTSC.
- + 08/2005 – 08/2007: Phó phòng Kinh tế - Kế hoạch Ban quản lý Dự án Cảng PTSC.
- + 02/2007 – 08/2007: Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Ban quản lý Dự án Cảng PTSC.
- + 08/2007 – 10/2009: Phó Giám đốc – Công ty CP Đầu tư Khu Công nghiệp DK – Idico Long Sơn.
- + 10/2009 – đến nay: Phó Giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình (SMBĐ).

④ Ông TRẦN ĐỨC HẠNH

PHÓ GIÁM ĐỐC



- + Sinh ngày: 03/08/1979 tại Thanh Hóa
- + Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản lý dự án, Kỹ sư Xây dựng.
- + Số lượng CP sở hữu cá nhân: 7

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 04/2002 – 11/2003: Công ty Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ mới – Bộ Giao Thông Vận Tải.
- + 12/2003 – 12/2004: Xí nghiệp Xây lắp Công trình Biển – XN Liên doanh Dầu khí Vietsovetro.
- + 12/2004 – 06/2005: Ban Dự án RuBy B – Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovetro.
- + 06/2005 – 03/2007: Tổng kho Xăng dầu Vũng Tàu – Công ty Chế biến và KD SP Dầu mỏ.
- + 04/2007 – 10/2007: Phó Trưởng phòng Kỹ thuật Tổng kho Xăng dầu Vũng Tàu.
- + 11/2007 – 10/2009: Trưởng phòng Đầu tư Xây dựng – Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
- + 10/2009 – đến nay: Phó Giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình (SMBĐ).

2.2. Công tác nhân sự:

Tổng số người lao động Công ty SMBĐ năm 2019 là 84 người, trong đó: Người lao động làm việc trong Công ty SMBĐ là 80 người (bao gồm 07 chức danh Lãnh đạo Công ty: Ban Giám đốc, Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng), và 04 người lao động ký hợp đồng ngắn hạn làm việc cho các Dự án của PTSC.



Đại hội cổ đông thường niên ngày 29 tháng 03 năm 2019

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

3.1.1. Công ty PVSBS tiếp tục triển khai các công việc, thủ tục đầu tư cho dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình, cụ thể như sau:

- **Đền bù giải phóng mặt bằng:**

Sau khi nhận được văn bản số 233/UBND-TNMT của Sở TNMT ngày 16/01/2020 đề nghị Công ty SMBĐ hỗ trợ di dời các hộ dân, cá nhân sử dụng đất mặt nước thuộc dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình và đường vào khu căn cứ dịch vụ Dầu khí Sao Mai – Bến Đình. Công ty đã có công văn số 132/SMBĐ-TCHC gửi UBND TP Vũng Tàu thống nhất tiến hành phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện tạm ứng cho các hộ dân ngay sau khi được sự đồng ý của cơ quan chủ quản và Quyết định của HĐQT Công ty.

- **Gói thầu lập đồ án quy hoạch chi tiết 1/500:**

Sau khi nhận được văn bản số 231/DVĐK-KHĐT ngày 04/03/2020 của Tổng Công ty PTSC, UBND TP. Vũng Tàu đang làm thủ tục để phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.

- **Ưu đãi đầu tư của dự án:**

Ngày 11/06/2019, UBND tỉnh BR-VT đã có văn bản số 5564/UBND-VP về mặt nguyên tắc chấp thuận cho Công ty SMBĐ bổ sung mục tiêu là bến cảng biển, hiện nay, Công ty đang làm việc với Cục thuế tỉnh để triển khai thực hiện các thủ tục chính sách ưu đãi đầu tư đối với Dự án.

- **Chủ trương đầu tư phát triển tổ hợp cảng và dịch vụ dầu khí tại SM - BĐ:**

Hiện nay, UBND tỉnh BR-VT chủ trương tạm dừng phần kho bãi của Dự án (khoảng 49ha) và phần tuyến đường vào cảng khoảng 13,8ha theo nội dung Thông báo số 195/TB-UBND ngày 19/05/2017 và đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ kiến nghị đưa phần diện tích này vào định hướng quy hoạch khu vực Cù Lao Bến Đình thành khu đô thị mới. Liên quan đến đề xuất này của UBND tỉnh, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã có văn bản số 406/DKVN-KTĐT ngày 21/01/2020 gửi Văn phòng Chính phủ và UBND tỉnh BR- VT đề nghị không điều chỉnh giảm quy mô diện tích của Dự án để không ảnh hưởng đến chủ trương, mục tiêu, phương án đầu tư của Dự án.

- **Nghĩa vụ tài chính của dự án:**

Công ty đã gửi công văn số 260/SMBĐ-TCKT ngày 15/05/2019 về việc xin tạm hoãn nộp tiền thuế đất năm 2019 Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Sao Mai Bến Đình do hiện nay Công ty đang thực hiện các thủ tục xin điều chỉnh từ ngành nghề ưu đãi đầu tư sang hưởng đặc biệt ưu đãi đầu tư đối với dự án theo quy định hiện hành.

- **Công tác khác:**

UBND tỉnh BRVT đã đồng ý cho Công ty SMBĐ tự bỏ kinh phí xây dựng đường tạm vào Dự án của Công ty, sau này sẽ bàn giao cho địa phương quản lý.

3.1.2. Khu bãi 07ha Khu dịch vụ Dầu khí 35ha:

Hoàn thành hồ sơ thanh quyết toán hợp đồng xây dựng số 10 và 11-2019/PVSB (ĐTXD)-HVP/MDV ngày 21/05/2019 về việc thi công sửa chữa taluy và bảo trì mặt bãi 7ha (đoạn R1-R2, R3-R4).

3.2. Các công ty con, công ty liên kết :

Công ty SMBĐ hiện sở hữu 1.053.000 cổ phần, chiếm 13,16% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (SOPEWACO). Từ năm 2008-2009, Công ty SOPEWACO hoạt động hiệu quả với lợi nhuận sau thuế đạt 3,6 tỷ đồng. Tuy nhiên, sau khi chịu tác động nặng nề bởi cuộc khủng hoảng tài chính, đến 30/06/2017, Công ty SOPEWACO đã lỗ lũy kế là 423,56 tỷ đồng. Được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền, Công ty SMBĐ đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính vào Công ty SOPEWACO. Ngày 06/09/2019, Công ty SMBĐ đã nhận được Giấy xác nhận số 58571/19 của sở KHĐT về việc thông báo Doanh nghiệp SOPEWACO tạm ngừng kinh doanh đến ngày 19/09/2020 do đang tái cơ cấu và không hoạt động. Hiện Công ty SMBĐ đang tiếp tục thực hiện công tác thoái vốn phần vốn góp tại SOPEWACO).

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Tính đến ngày 12/02/2020 – ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 theo Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp, Công ty có 10.634 cổ đông nắm giữ 50 triệu cổ phần, có quyền tham dự Đại hội. Cụ thể cơ cấu cổ đông và bộ máy quản trị Công ty như sau:

Stt	Cơ cấu cổ đông	Tỷ lệ CP nắm giữ
A.	Cổ đông pháp nhân	69,0162%
1.	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	51,0000%
2.	Công ty TNHH SX TM Việt Anh	13,0162%
3.	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí Toàn Cầu (GP.Bank)	3,4000%
4.	Công ty quản lý nợ - thuộc GP Bank	1,6000%
B.	Cổ đông thể nhân	30,9838%

5. Báo cáo các tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Công ty áp dụng Hệ thống quản lý HSEQ (Chất lượng - An toàn - Sức khỏe – Môi trường) giúp định hướng việc nâng cao hiệu suất an toàn, hiệu quả lao động, tuân thủ luật pháp cho các hoạt động của Công ty. Cụ thể trong lĩnh vực quản lý dự án và thi công công trình xây dựng phục vụ ngành dầu khí phù hợp với các tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ được quan tâm kiểm tra thường xuyên, chặt chẽ. Trong năm 2019, Công ty không để xảy ra trường hợp nào mất an toàn. Công ty đã hoàn thành cập nhật chuyển đổi giấy chứng nhận hệ thống ISO 9001:2008 và ISO 14001:2010 sang tiêu chuẩn ISO 9001:2015, tiêu chuẩn ISO 14001:2015. Công ty SMBĐ đã xây dựng tích hợp các tiêu chuẩn trên và phù hợp với các quy trình, quy định của Tổng Công ty PTSC.



(Chụp ảnh lưu niệm đại diện các bên IKC/PTSC M&C/PVSB tại lễ khởi công dự án Sao Vàng- Đại Nguyệt)

bsi.



Certificate of Registration

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG - ISO 9001:2008

Xác nhận rằng:

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ
SAO MAI – BẾN ĐÌNH**

Tầng 16, Số 9,
Hoàng Diệu, Phường 1,
Thành Phố Vũng Tàu,
Việt Nam

Giữ giấy chứng nhận số:

FS 616818

và thực hiện Hệ thống Quản lý Chất Lượng phù hợp với các yêu cầu của ISO 9001:2008 cho phạm vi:

Quản lý dự án và thi công công trình xây dựng phục vụ ngành dầu khí

Đại diện cho tập đoàn BSI:

Giám Đốc Đảm Bảo Chất Lượng Toàn Cầu, Gary Fenton

Ngày đăng ký: **01/09/2011**

Ngày ban hành: **09/08/2014** Ngày hết hiệu lực: **30/08/2017**



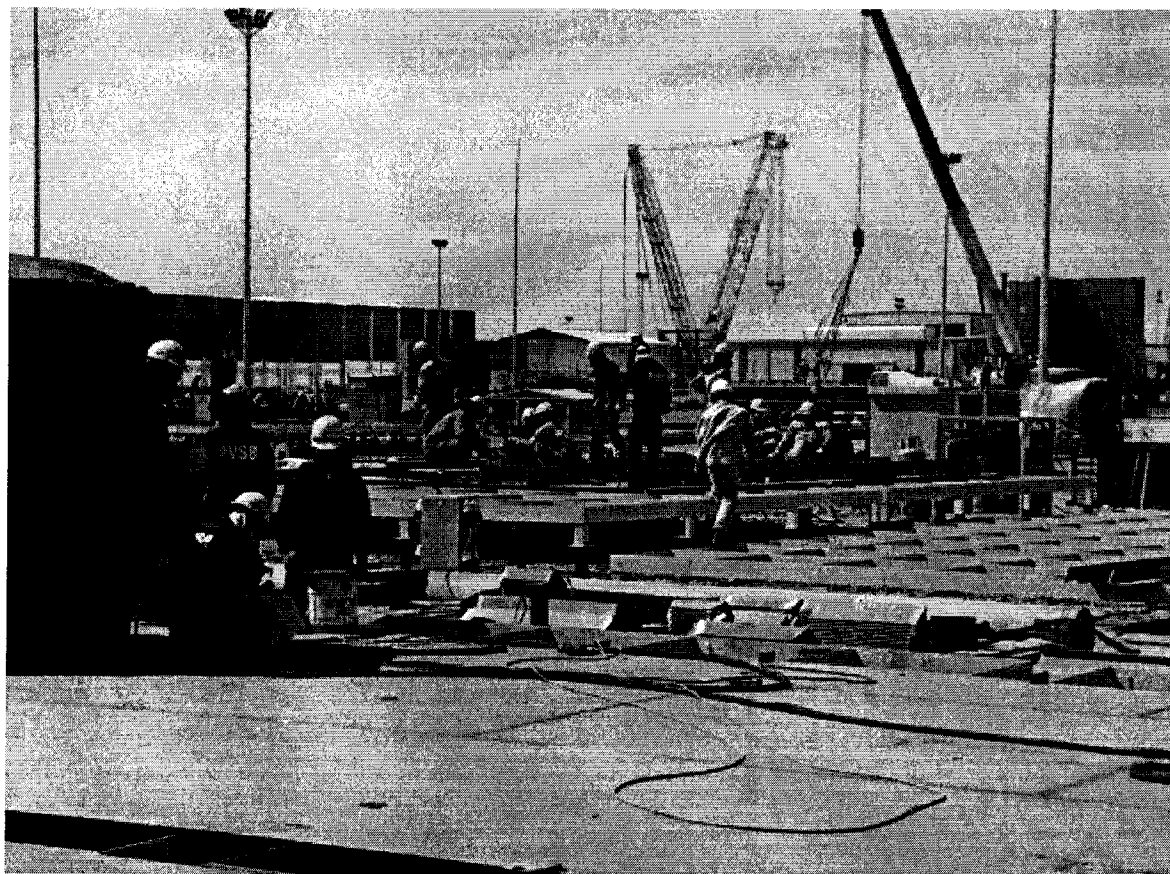
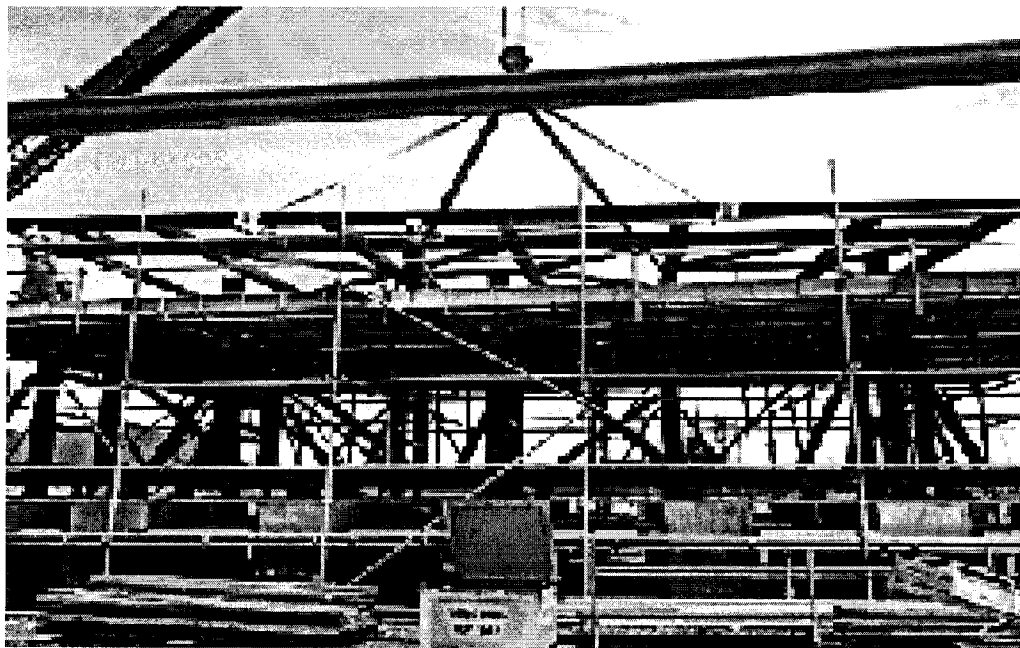
Trang: 1/1

...making excellence a habit.™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.

An electronic certificate can be authenticated [online](#). Printed copies can be validated at www.bsigroup.com/ClientDirectory or telephone +84 (8) 39320 778. Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 9001: 2008 requirements may be obtained by consulting the organization. This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000
BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.
A member of the BSI Group of Companies.



(Công nhân SMBĐ thi công chế tạo và lắp đặt các công trình cơ khí dầu khí đảm bảo an toàn)

bsi.



By Royal Charter

Certificate of Registration

QUALITY MANAGEMENT SYSTEM - ISO 9001:2008

This is to certify that:

SAO MAI - BEN DINH PETROLEUM INVESTMENT
JOINT STOCK COMPANY
9-11 Hoang Dieu Street,
Ward 1,
Vung Tau City,
Vietnam

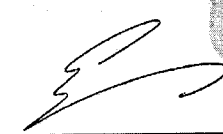
Holds Certificate Number:

FS 616818

and operates a Quality Management System which complies with the requirements of ISO 9001:2008 for the following scope:

Project management and construction of oil and gas works

For and on behalf of BSI:


Gary Fenton, Global Assurance Director

Originally registered: 01/09/2011

Latest Issue: 09/08/2014

Expiry Date: 30/08/2017

Page: 1 of 1



...making excellence a habit.™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.
An electronic certificate can be authenticated [online](http://www.bsi-global.com). Printed copies can be validated at www.bsi-global.com/ClientDirectory or telephone +84 (8) 39320 778.
Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 9001:2008 requirements may be obtained by consulting the organization.
This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000
BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.
A Member of the BSI Group of Companies.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Đặc điểm tình hình chung:

Năm vừa qua, giá dầu thế giới vẫn còn nhiều biến động do tình hình chính trị toàn cầu diễn biến phức tạp, giá dầu đang duy trì ở mức thấp hơn nhiều so với dự báo được đưa ra, tình hình thị trường và nhu cầu dịch vụ dầu khí vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi cả về số lượng lẫn giá dịch vụ, các hoạt động thăm dò, khai thác đầu tư trong lĩnh vực dầu khí vẫn tiếp tục dừng, giãn, chưa có kế hoạch triển khai cụ thể hoặc hoạt động cầm chừng. Các nhà thầu dầu khí đã triển khai triệt để các giải pháp tiết giảm chi phí, cắt giảm tối đa khối lượng công việc cũng như chi phí hoạt động, cùng với sức ép cạnh tranh tăng cao do sự tham gia ngày càng nhiều của các nhà thầu nước ngoài, tư nhân với giá cung cấp dịch vụ thấp sẵn sàng làm với giá lỗ nhiều, phá giá...đặt ra khó khăn rất lớn cho việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch SXKD của Công ty.

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty SMBĐ năm 2019 như sau:

a. Thuận lợi:

- Là đơn vị thành viên Tổng công ty PTSC thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty nhận được sự quan tâm ủng hộ và chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty PTSC.
- Qua quá trình hoạt động và phát triển, đến nay Công ty đã có nhiều kinh nghiệm, năng lực và dần xây dựng và khẳng định được thương hiệu trong lĩnh vực thi công chế tạo cơ khí, cung cấp thương mại hàng hóa, máy móc thiết bị phục vụ ngành dầu khí.

b. Khó khăn và tồn tại trong năm 2019:

- Thị trường dầu khí suy giảm đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc đầu tư và khai thác Căn cứ Dịch vụ HHDK Sao Mai – Bến Đình và hoạt động thương mại, thi công cơ khí.
- Việc thực hiện thủ tục đầu tư trong lĩnh vực ĐTXDCB còn chậm do giãn tiến độ đầu tư, công tác giải phóng mặt bằng, các thủ tục điều chỉnh ưu đãi đầu tư của dự án, công tác rà soát quy hoạch của địa phương mất nhiều thời gian.

1.2. Kết quả đạt được:

Trong năm vừa qua, Công ty đã cố gắng bám sát các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty, PVN để tìm kiếm công việc, sau đó đưa ra các phương án cụ thể cho việc thực hiện triển khai công việc. Công ty thực hiện nhiều giải pháp, tổ chức triển khai các chương trình hành động, huy động mọi nguồn lực, tập trung chỉ đạo điều hành một cách quyết liệt nhằm duy trì và thực hiện tốt nhất có thể các chỉ tiêu kế hoạch, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Tổng doanh thu năm 2019 là 207,48 tỷ đồng, đạt 114% so với kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế năm 2019 là 1,3 tỷ đồng, đạt 62% kế hoạch năm.

Doanh thu năm 2019 vượt mức so với kế hoạch đề ra, tuy nhiên chỉ tiêu lợi nhuận không đạt như kỳ vọng. Nguyên nhân chính của sự sụt giảm lợi nhuận là do Công ty dự kiến cho PTSC MC thuê mặt bãi 7ha nhưng PTSC MC chưa tiến hành thuê nên đến nay Công ty vẫn chưa khai thác

cho thuê được, trong khi đó phải gánh chi phí khấu hao mặt bãi, gây ảnh hưởng trực tiếp đến chi tiêu lợi nhuận của Công ty.

Chi tiết kết quả thực hiện như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	CÁC CHỈ TIÊU	TH năm 2018	KH năm 2019	TH năm 2019	% so với KH
1	Vốn điều lệ	500,00	500,00	500,00	100
2	Doanh thu	224.82	181,40	207,48	114
a	<i>Doanh thu hoạt động SXKD</i>	198.88	156,40	181,40	116
-	<i>Dịch vụ cơ khí chế tạo và đóng mới CTDK</i>	44.22	80,00	73,83	92
-	<i>Dịch vụ cung cấp VTTB (thương mại)</i>	16.41	30,00	18,09	60,3
-	<i>Dịch vụ căn cứ kho bãi</i>	5.20	5,20	5,20	100
-	<i>Dịch vụ cấp điện, nước tại cảng</i>	13.77	11,20	9,23	82
-	<i>Dịch vụ cung ứng nhân lực khác</i>	4.36	-	1,09	-
-	<i>Phân phối đạm Phú Mỹ, khí LPG</i>	112.66	30,00	73,52	245
-	<i>Dịch vụ khác</i>	2.26	-	0,43	-
b	<i>Hoạt động tài chính</i>	26.02	25,00	24,69	98,7
c	<i>Thu nhập khác</i>	(0.08)	-	1,39	-
3	Lợi nhuận trước thuế	2,71	2,11	1,3	61,6
4	Lợi nhuận sau thuế	0,78	0,80	0,41	51,25
5	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	2,08	1,45	0,39	119
6	Đầu tư XDCB và mua sắm PTTB				
-	Giá trị thực hiện	5.61	8,78	0,41	5
-	Giá trị giải ngân	12.72	11,27	3,16	28,04

1.3. Công tác sản xuất kinh doanh

- *Dịch vụ thi công chế tạo cơ khí*

Trong bối cảnh các hoạt động, các dự án thăm dò, khai thác, đầu tư trong lĩnh vực dầu khí vẫn tiếp tục dừng, giãn, triển khai chậm, Công ty tích cực bám sát các đơn vị thành viên trong cùng Tổng Công ty, PVN để tìm kiếm công việc, áp dụng nhiều giải pháp tiết giảm chi phí, rà soát giảm giá tối đa để có thể cung cấp dịch vụ thi công cơ khí với mức giá cạnh tranh nhất có thể, đồng thời luôn hướng tới việc khẳng định năng lực, kinh nghiệm cũng như chất lượng dịch vụ cung cấp cho các nhà thầu dầu khí tại Việt Nam. Công việc cụ thể như sau:

- Hoàn thành thi công và thanh quyết toán hợp đồng số 09-2018/PTSCMC-PTKD/MDVV-E ký với PTSC – MC về việc Cung cấp dịch vụ Fabrication, Load-out và Sea-fastening phục vụ dự án Sao Vàng Đại Nguyệt.
- Hoàn thành thi công và thanh quyết toán hợp đồng MDV/LDBD/19/056A ký với POS về việc thi công lắp đặt kết cấu và chằng buộc WSD phục vụ dự án Sao Vàng Đại Nguyệt.
- Hoàn thành thi công và thanh quyết toán Đơn hàng số SMVPO-041922 ký với SMV về việc Cung cấp nhân lực và lắp đặt ống của tàu kéo 35M.
- Thực hiện hợp đồng Thi công cầu dẫn DA-DC cho dự án Galaff ký với PV Shipyard

- *Dịch vụ cung cấp vật tư thiết bị*

Công tác cung cấp vật tư thiết bị tiếp tục phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức do sự suy giảm của số lượng các gói thầu mới và sự cạnh tranh tăng cao do sự tham gia ngày càng nhiều của các nhà thầu nước ngoài, tư nhân với việc chào phá giá, giá cung cấp dịch vụ rất thấp. Công ty hoàn thành, quyết toán các gói thầu đã ký năm 2018 và thực hiện công việc cung cấp vật tư thiết bị ký mới trong năm 2019. Công việc cụ thể như sau:

- Hoàn thành thanh quyết toán hợp đồng Cung cấp Cầu 8 tấn cho Dự án Cá Tầm CTC1, lô 09-3/12;
- Hoàn thành thanh quyết toán hợp đồng Cung cấp Định tâm khoan cho giếng CV-1X lô 16-1/15;
- Hoàn thành thanh quyết toán hợp đồng Cung cấp bơm dầu thải cho dự án BK 20 lô 09.1;
- Hoàn thành thanh quyết toán hợp đồng Cung cấp vật tư đầu nối thiết bị điều khiển cho dự án BK20 (Lô 09.1);
- Hoàn thành thanh quyết toán hợp đồng Cung cấp máy biến thế phục vụ dự án BK20;
- Thực hiện cung cấp van tay phục vụ dự án BK 20

- *Dịch vụ Căn cứ kho bãi*

Công ty tiếp tục cung cấp dịch vụ kho bãi 63ha ổn định cho PVC MS, PV Shipyard. Bên cạnh đó, Công ty đã chào giá cho một số khách hàng tiềm năng, có nhu cầu thực sự cần thuê bãi 7ha phục vụ thi công ngay sau khi trúng thầu các dự án mới, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa khai thác cho thuê được cơ sở hạ tầng khu bãi 7ha nên làm ảnh hưởng đến khả năng hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2019 của Công ty không được như kỳ vọng.

Công ty tiếp tục nỗ lực tìm kiếm và các khách hàng tiềm năng có nhu cầu sử dụng dịch vụ kho bãi dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình nói chung và dự án thành phần Khu dịch vụ dầu khí 35ha thuộc Dự án Căn cứ dịch vụ HHDK Sao Mai – Bến Đình nói riêng nhằm tăng Doanh thu lĩnh vực này.

- ***Dịch vụ khác (cung cấp điện, nước phụ trợ,...)***

Các loại hình dịch vụ lĩnh vực này chủ yếu là việc cấp các dịch vụ cung cấp điện, nước cho các đơn vị thuê bãi khu Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình. Doanh thu lĩnh vực này liên quan trực tiếp đến các dự án được thực hiện trên khu bãi thuê của các khách hàng thuê đất, do tình hình thị trường không thuận lợi, thị trường cung cấp căn cứ trên bờ gặp nhiều khó khăn nên lĩnh vực cung cấp điện nước tại Cảng không đạt như kỳ vọng.

- ***Dịch vụ cho thuê lại lao động***

Nhân lực hiện nay chủ yếu cung cấp cho các Dự án của Tổng Công ty PTSC. Các dự án hiện công ty đang cung cấp Nhân lực như Dự án NPK/NH3; Dự án GPP Cà Mau. Hiện các dự án này đang trong giai đoạn hoàn thành nên việc cung ứng nhân lực của công ty bị giảm nhiều. Tổng số Người lao động cho thuê lại đến thời điểm hiện tại là 04 người.

- ***Phân phối khí hóa lỏng***

Trong điều kiện khó khăn chung của thị trường dịch vụ dầu khí, Công ty đang duy trì ổn định việc cung cấp dịch vụ phân phối khí hóa lỏng và đem lại nguồn doanh thu đáng kể cho Công ty.

1.4. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và phương tiện thiết bị năm 2019

Công ty PVSB tiếp tục triển khai các công việc, thủ tục đầu tư cho dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình, cụ thể như sau:

Tình hình triển khai dự án Căn cứ dịch vụ Dầu khí Sao Mai – Bến Đình:

- ***Đền bù giải phóng mặt bằng:***

Sau khi nhận được văn bản số 233/UBND-TNMT của Sở TNMT ngày 16/01/2020 đề nghị Công ty SMBĐ hỗ trợ di dời các hộ dân, cá nhân sử dụng đất mặt nước thuộc dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình và đường vào khu căn cứ dịch vụ Dầu khí Sao Mai – Bến Đình. Công ty đã có công văn số 132/SMBĐ-TCHC gửi UBND TP Vũng Tàu thống nhất tiến hành phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện tạm ứng cho các hộ dân ngay sau khi được sự đồng ý của cơ quan chủ quản và Quyết định của HĐQT Công ty.

- ***Gói thầu lập đồ án quy hoạch chi tiết 1/500:***

Sau khi nhận được văn bản số 231/DVĐK-KHĐT ngày 04/03/2020 của Tổng Công ty PTSC, UBND TP. Vũng Tàu đang làm thủ tục để phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.

- **Ưu đãi đầu tư của dự án:**

Ngày 11/06/2019, UBND tỉnh BR-VT đã có văn bản số 5564/UBND-VP về mặt nguyên tắc chấp thuận cho Công ty SMBĐ bổ sung mục tiêu là bến cảng biển, hiện nay, Công ty đang làm việc với Cục thuế tỉnh để triển khai thực hiện các thủ tục chính sách ưu đãi đầu tư đối với Dự án.

- **Chủ trương đầu tư phát triển tổ hợp cảng và dịch vụ dầu khí tại SM - BĐ:**

Hiện nay, UBND tỉnh BR-VT chủ trương tạm dừng phần kho bãi của Dự án (khoảng 49ha) và phân tuyến đường vào cảng khoảng 13,8ha theo nội dung Thông báo số 195/TB-UBND ngày 19/05/2017 và đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ kiến nghị đưa phần diện tích này vào định hướng quy hoạch khu vực Cù Lao Bến Đình thành khu đô thị mới. Liên quan đến đề xuất này của UBND tỉnh, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã có văn bản số 406/DKVN-KTĐT ngày 21/01/2020 gửi Văn phòng Chính phủ và UBND tỉnh BR- VT đề nghị không điều chỉnh giảm quy mô diện tích của Dự án để không ảnh hưởng đến chủ trương, mục tiêu, phương án đầu tư của Dự án.

- **Nghĩa vụ tài chính của dự án:**

Công ty đã gửi công văn số 260/SMBĐ-TCKT ngày 15/05/2019 về việc xin tạm hoãn nộp tiền thuế đất năm 2019 Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Sao Mai Bến Đình do hiện nay Công ty đang thực hiện các thủ tục xin điều chỉnh từ ngành nghề ưu đãi đầu tư sang hưởng đặc biệt ưu đãi đầu tư đối với dự án theo quy định hiện hành.

- **Công tác khác:**

UBND tỉnh BRVT đã đồng ý cho Công ty SMBĐ tự bỏ kinh phí xây dựng đường tạm vào Dự án của Công ty, sau này sẽ bàn giao cho địa phương quản lý.

- **Khu bãi 07ha Khu dịch vụ Dầu khí 35ha:**

Hoàn thành hồ sơ thanh quyết toán hợp đồng xây dựng số 10 và 11-2019/PVSB (ĐT XD)-HVP/MDV ngày 21/05/2019 về việc thi công sửa chữa taluy và bảo trì mặt bãi 7ha (đoạn R1-R2, R3-R4).

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2018
I	Tài sản ngắn hạn	498,022,177,685	506,712,788,796
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	79,174,083,567	36,910,087,406
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	367,000,000,000	402,000,000,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	45,349,165,451	54,714,343,435

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2018
4	Hàng tồn kho	512,014,874	5,731,283,609
5	Các tài sản ngắn hạn khác	5,986,913,793	7,357,074,346
II	Tài sản dài hạn	281,638,440,721	291,918,610,557
1	Các khoản phải thu dài hạn	3,000,000	3,000,000
2	Tài sản cố định	80,939,341,358	86,803,652,456
3	Bất động sản đầu tư	183,336,048,339	188,071,320,195
4	Tài sản dở dang dài hạn	16,168,416,172	16,450,644,162
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-
6	Tài sản dài hạn khác	1,191,634,852	589,993,744
	Tổng tài sản	779,660,618,406	798,631,399,353

2.2. Tình hình nợ phải trả

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2018
I	Nợ phải trả	218,469,480,109	237,767,659,905
1	Nợ ngắn hạn	13,316,035,414	28,497,511,330
2	Nợ dài hạn	205,153,444,695	209,270,148,575
II	Vốn chủ sở hữu	561,191,138,297	560,863,739,448
1	Vốn chủ sở hữu	500,000,000,000	500,000,000,000
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty:

- Được sự giúp đỡ và tạo điều kiện của các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí, đặc biệt là Tổng Công ty PTSC và các đơn vị trong Tổng Công ty, Công ty SMBĐ đã chủ động ứng phó với khó khăn, thách thức và những biến động phức tạp ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động SXKD, tiếp tục đạt được những kết quả quan trọng trên các mặt hoạt động. HĐQT đánh giá năm 2019 Công ty đã bám sát tình hình thực tế, tích cực, quyết liệt thực hiện các giải pháp đề ra, đồng thời định hướng tốt hoạt động để hoàn thành cao nhất các nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ giao, tạo đà thuận lợi cho những năm tiếp theo, cụ thể:
- Các nguồn lực chính của Công ty như nguồn vốn và tình hình tài chính của Công ty được duy trì ổn định, an toàn, hiệu quả. Đội ngũ cán bộ công nhân viên đoàn kết, năng động, sáng tạo có trình độ, năng lực tốt, được trau dồi kinh nghiệm trong thực tế. Luôn sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ của Công ty trong năm 2019 và các năm tiếp theo.
- Thực hiện và áp dụng quyết liệt đề án năng lực cạnh tranh đang tạo những chuyển biến tích cực, cần thiết để thích ứng với môi trường hội nhập, cạnh tranh khốc liệt và những khó khăn trong thời gian tới.
- Công ty đã và đang khẳng định được thương hiệu và uy tín của mình trong lĩnh vực cơ khí, thương mại, dịch vụ hậu cần. Đồng thời đã nghiên cứu, tiếp cận và phát triển các hướng đi mới cho Công ty trong thời gian sắp tới.
- Chế độ đãi ngộ với người lao động được thực hiện tốt, đảm bảo việc làm và chăm lo đời sống đầy đủ, chu đáo.

Bên cạnh những kết quả đạt được trong năm qua, Công ty vẫn còn những hạn chế cần khắc phục trong giai đoạn khó khăn như hiện nay như:

- Công tác dự báo thị trường chưa thực sự kịp thời, việc sụt giảm mạnh nguồn việc và khách hàng đã ảnh hưởng lớn đến doanh thu trong lĩnh vực thi công chế tạo cơ khí, thương mại và dịch vụ căn cứ cảng. Mặc dù đã phần nào khẳng định được thương hiệu và vị trí trong lĩnh vực dịch vụ cơ khí, thương mại nhưng năng lực cạnh tranh và công tác tổ chức giám sát, thực hiện của Công ty vẫn còn hạn chế.
- Cơ sở hạ tầng bến bãi, cầu cảng... trang thiết bị phục vụ sản xuất còn thiếu, chưa đồng bộ, phải đi thuê và phụ thuộc nhiều vào bên ngoài nên hiệu quả sản xuất chưa cao.
- Doanh thu của Công ty còn phụ thuộc nhiều vào dịch vụ cung cấp cho các đơn vị trong ngành dầu khí nên rất dễ bị ảnh hưởng khi có biến động.
- Việc xử lý các thủ tục về đất đai và lập quy hoạch 1/500 của dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến đĩnh còn chậm chưa thực hiện được theo kế hoạch đề ra, do phải phụ thuộc nhiều vào các cơ quan quản lý nhà nước.
- Công tác đầu tư xây dựng cơ bản chưa đạt kế hoạch đề ra do chưa có khách hàng thực sự tiềm năng để Công ty cùng hợp tác đầu tư.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Năm qua, Công ty đã đạt được một số kết quả khả quan nhưng vẫn còn chưa thực sự tương xứng với nguồn lực cũng như kỳ vọng và mong đợi của ĐHĐCĐ và Tổng Công ty. HĐQT đánh giá năm 2019 Công ty và Ban Giám đốc cũng đã bám sát tình hình thực tế, năng

động trong công tác, tích cực, quyết liệt thực hiện các giải pháp, định hướng tốt hoạt động để phần đầu hoàn thành cao nhất các nhiệm vụ đã được ĐHCĐ giao, cụ thể:

- Chủ động, linh hoạt trong điều hành hoạt động SXKD, xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp ứng phó với tình hình thực tế.
- Các nguồn lực chính của Công ty như nguồn vốn và tình hình tài chính của Công ty được duy trì ổn định, an toàn, hiệu quả. Đội ngũ cán bộ công nhân viên đoàn kết, luôn sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ của Công ty.
- Thực hiện quyết liệt và có hiệu quả các biện pháp tiết kiệm, tiết giảm tối đa chi phí của Công ty như: kiện toàn bộ máy tổ chức, cắt giảm lao động không cần thiết, giảm thu nhập của CBCVN cho phù hợp với tình hình thực tế; rà soát, quản lý chặt chẽ chi phí...
- Tích cực trong công tác marketing, mở rộng thị trường và hoạt động kinh doanh, chủ động tìm kiếm khách hàng, nguồn việc mới cho Công ty.
- Đẩy mạnh áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, đổi mới tác phong doanh nghiệp nâng cao năng lực và hiệu quả của bộ máy.
- Nghiên cứu, tiếp cận và phát triển các hướng đi mới cho Công ty, đã và đang mang lại hiệu quả.
- Chế độ đãi ngộ với người lao động được thực hiện tốt, đảm bảo việc làm và chăm lo đời sống đầy đủ, chu đáo.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Công ty và Ban Giám đốc vẫn còn những hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới đó là:

- Công tác dự báo thị trường cần bám sát thực tế hơn nữa. Năng lực cạnh tranh và công tác quản lý, tổ chức giám sát, thực hiện sản xuất của Công ty vẫn còn hạn chế.
- Công tác xử lý, phối hợp với các cơ quan chức năng để thực hiện các thủ tục liên quan đến đất đai, ưu đãi đầu tư, bồi thường giải phóng mặt bằng... của dự án Căn cứ DVHH Dầu khí Sao Mai – Bến Đình còn chậm.
- Cơ sở hạ tầng, đường vào, bến bãi, cầu cảng... trang thiết bị phục vụ sản xuất còn thiếu, chưa đồng bộ, phải đi thuê và phụ thuộc nhiều vào bên ngoài nên hiệu quả sản xuất chưa cao.
- Doanh thu của Công ty còn phụ thuộc nhiều vào dịch vụ cung cấp cho các đơn vị trong ngành dầu khí nên rất dễ bị ảnh hưởng khi có biến động.
- Công tác quản lý và thu hồi công nợ cần tích cực, quyết liệt hơn, chủ động nắm bắt tình hình và đưa ra các biện pháp thu hồi để đạt hiệu quả cao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Theo nhận định của HĐQT, năm 2020 tiếp tục là năm khó khăn cho ngành dầu khí nói chung và Công ty nói riêng khi giá dầu thô tiếp tục duy trì ở mức thấp và biến động khó lường, bên cạnh đó dịch bệnh Sars-Cov-2 đang lan rộng và diễn biến phức tạp sẽ ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế toàn cầu và Việt Nam. Để thực hiện các nhiệm vụ được ĐHCĐ giao, trên cơ sở tình hình thực tế và hoạt động của Công ty hiện nay, HĐQT đề ra chương trình công tác trong năm 2020 như sau:

3.1. Về công tác tổ chức ĐHCĐ thường niên và các cuộc họp định kỳ của HĐQT

- Chỉ đạo tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên năm 2020.

- Tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ, đột xuất của HĐQT để thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình của Công ty, kịp thời thúc đẩy, xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động của Công ty.

3.2. Công tác chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổ chức chỉ đạo và kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 và các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty nỗ lực cao nhất làm việc với tỉnh BR-VT, thành phố Vũng Tàu và các cơ quan chức năng để tiếp tục được hưởng ưu đãi đầu tư giai đoạn khai thác cảng biển và hoàn thành các thủ tục về đất đai của dự án như: Công tác đền bù giải phóng mặt bằng; Lập quy hoạch chi tiết 1/500 dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.
- Kiểm tra, giám sát việc huy động và sử dụng các nguồn lực của Công ty.
- Kiểm tra độ tin cậy của số liệu Báo cáo Tài chính, báo cáo khác và các thông tin kinh tế - tài chính theo quy định hiện hành.
- Kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả đầu tư, quá trình chuẩn bị, triển khai và quyết toán các dự án đầu tư, các hoạt động đầu tư, xây dựng, đấu thầu.
- Chỉ đạo đẩy mạnh áp dụng khoa học có hàm lượng kỹ thuật cao trong sản xuất, cải tiến quy trình lao động và các hệ thống quản lý Công ty để tăng cường khả năng cạnh tranh.
- Chỉ đạo Ban Giám đốc đẩy mạnh công tác Marketing, mở rộng thị trường, tăng cường sự kết nối nhằm củng cố, phát triển các mối quan hệ, hợp tác liên doanh, liên kết trong và ngoài ngành dầu khí... ký thêm được các hợp đồng, công việc, dự án mới.
- Kiểm tra, giám sát việc tuyển dụng, sử dụng, chế độ chính sách với người lao động, đồng thời rà soát kiện toàn bộ máy tổ chức hoạt động theo hướng tinh gọn, hiệu quả nhất.
- Định kỳ lập báo cáo kiểm tra, giám sát đánh giá việc tuân thủ các quy định của Tổng Công ty, Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban Kiểm soát và các quy định của pháp luật.

3.3. Công tác nhân sự

- Tiếp tục kiện toàn nhân sự thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2017-2022 theo chủ trương của ĐHĐCĐ khi có nhân sự ứng cử.
- Chỉ đạo, hỗ trợ Ban điều hành kiện toàn bộ máy tổ chức hoạt động của Công ty phù hợp với tình hình thực tế, tăng năng suất và hiệu quả lao động.
- Thực hiện đúng thẩm quyền của HĐQT trong công tác nhân sự.

3.4. Công tác sửa đổi, bổ sung Điều lệ và hoàn thiện các văn bản quản lý, quản trị Công ty

Tiếp tục chỉ đạo kiểm tra, rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý, quản trị của Công ty cho phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tế của Công ty.

3.5. Công tác quản lý vốn và Người đại diện phần vốn

- Theo dõi, giám sát chặt chẽ việc sử dụng nguồn vốn nhàn rỗi của Công ty trên nguyên tắc an toàn, hiệu quả để tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.

- Chỉ đạo, đôn đốc Ban Giám đốc tích cực, quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ đối với các khách hàng. Thực hiện nghiêm Quy chế quản lý công nợ.
- Chỉ đạo sát sao Công ty tích cực theo dõi, bám sát tình hình hoạt động của Công ty TNHH đóng tàu và cơ khí Hàng hải để thu hồi tối đa khoản nợ quá hạn của Công ty này. Đồng thời, tích cực phối hợp làm việc với Tổng Công ty và các Ban chuyên môn liên quan để hỗ trợ thu hồi khoản nợ trên.
- Chỉ đạo Người đại diện của Công ty theo dõi, giám sát chặt chẽ tình hình hoạt động của công ty Sopewaco, báo cáo định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu theo quy định. Tích cực tìm kiếm nhà đầu tư để thoái toàn bộ vốn tại Công ty Sopewaco theo chủ trương ĐHĐCĐ đã phê duyệt và bảo vệ lợi ích của cổ đông ở mức cao nhất.

3.6. Công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí

- Chỉ đạo xây dựng cụ thể kế hoạch tiết kiệm chống lãng phí năm 2020 của Công ty trong từng lĩnh vực.
- Chỉ đạo xây dựng các kịch bản, dự báo tình hình thị trường và phương án, biện pháp ứng phó cụ thể để chủ động trước tình hình khó khăn trong giai đoạn tới.

3.7. Thực hiện các công việc thường xuyên của HĐQT phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ và phát sinh thực tế trong quá trình hoạt động SXKD của Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng Quản trị Công ty gồm 04 thành viên bao gồm 03 người đại diện cho PTSC và 01 người đại diện cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Sản xuất Thương mại Việt Anh (Việt Anh), cụ thể:

- | | | |
|--------------------------------|---------------------|----------------|
| 1. Ông Trần Hải Bình (PTSC) | - Chủ tịch HĐQT | (Chuyên trách) |
| 2. Ông Phùng Như Dũng (PTSC) | - TV HĐQT, Giám đốc | (Kiêm nhiệm) |
| 3. Ông Nguyễn Viết Đạt (PTSC) | - TV HĐQT | (Kiêm nhiệm) |
| 4. Nguyễn Lê Phương (Việt Anh) | - TV HĐQT | (Kiêm nhiệm) |

① Ông TRẦN HẢI BÌNH CHỦ TỊCH



Sinh ngày: 20/10/1969 tại Thái Bình
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 92

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 09/1994 – 08/1997: XN Cảng PTSC Vũng Tàu.
- + 09/1997 – 12/1998: XN Dịch vụ Vật tư Thiết bị và Nhiên liệu PTSC Vũng Tàu (PTSC).
- + 01/1999 – 09/2000: Trưởng phòng Tài chính Kế toán – XN Dịch vụ Vật tư Thiết bị và Nhiên liệu (PTSC).
- + 10/2000 – 05/2001: Phó Giám đốc phụ trách XN Kinh doanh các SP Dầu khí Tây Ninh (PTSC).
- + 05/2001 – 03/2006: Kế toán Trưởng – Công ty Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC).
- + 03/2006 – 12/2006: Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch Công ty Chế biến và KD SP Dầu mỏ (PDC).
- + 01/2007 – 04/2007: Kiểm soát viên chính Công ty Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC).
- + 04/2007 – 07/2009: Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
- + 08/2009 – đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

② Ông PHÙNG NHƯ DŨNG
THÀNH VIÊN, GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Sinh ngày: 28/01/1969 tại Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị
Kinh doanh, Kỹ sư Cơ khí
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

(Xem thông tin phần Ban Giám đốc)

**③ Ông NGUYỄN VIỆT ĐẠT
THÀNH VIÊN**



Sinh ngày: 27/07/1966 tại Hải Phòng
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thẩm
dò Địa chất
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 975

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 03/1990 – 10/1990: Công ty Địa Vật lý và Dịch vụ Dầu khí Hải Phòng.
- + 11/1990 – 03/1993: Công ty Địa Vật lý và Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng.
- + 04/1993 – 04/2002: Phó phòng Kế hoạch Sản xuất XN Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC Vũng Tàu.
- + 05/2002 – 12/2007: Trưởng phòng Kế hoạch, Phó Giám đốc Ban QL Dự án Cảng PTSC Vũng Tàu.
- + 01/2008 – đến nay: Phó Giám đốc Công ty TNHH Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC Vũng Tàu.

**④ Ông NGUYỄN LÊ PHƯƠNG
THÀNH VIÊN**



Sinh ngày: 30/09/1978 tại Quảng Trị
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
chuyên viên ngành địa chất dầu khí
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0
Bắt đầu nhiệm kỳ ngày: 08/11/2017

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 2001 – 2006: Kỹ sư địa chất Công ty Dầu khí Geoservices (Pháp).
- + 2006 – 2007: Kỹ sư địa chất điều hành Công ty Dầu khí Quốc Gia Hàn Quốc (KNOC).
- + 2007 – 2016: chuyên viên Địa chất điều hành và Minh giải địa vật lý Công ty Điều hành Dầu khí Thăng Long.
- + 2016 – nay: Phó Giám đốc Công ty TNHH sản xuất thương mại Việt Anh

1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

1.2.1. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019

Kết thúc năm 2019, trong bối cảnh tình hình khó khăn chung của toàn ngành Dầu khí, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát và phối hợp cùng Ban điều hành triển khai kế hoạch SXKD năm 2019, đề ra chương trình hành động và nhiều giải pháp thiết thực, phù hợp để tiết giảm tối đa các chi phí, huy động các nguồn lực, mở rộng thị trường, thúc đẩy SXKD. Kết quả thực hiện trong năm 2019 như sau:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KH năm 2019	TH năm 2019	So với KH (%)
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	500	500	
2	Doanh thu	Tỷ đồng	181,40	207,48	114%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,11	1,30	62%
4	Số lao động cuối kỳ	Người	80	80	100%

1.2.2. Công tác quản lý vốn, Người đại diện phần vốn của Công ty

- Về hoạt động tài chính: Trong năm 2019, được sự cho phép của ĐHĐCĐ, HĐQT đã thống nhất đồng ý ủy quyền cho Giám đốc được chủ động lựa chọn đàm phán, ký kết hợp đồng tiền gửi, mua bán chứng chỉ tiền gửi, ủy thác quản lý vốn; Lựa chọn đàm phán, ký kết hợp đồng tín dụng; Cầm cố tài sản để đảm bảo cho các hợp đồng tín dụng theo nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 26/03/2019. HĐQT đánh giá Công ty đã sử dụng và quản lý nguồn tiền nhàn rỗi một cách an toàn, hiệu quả, mang lại lợi nhuận cho Công ty. HĐQT đề nghị ĐHĐCĐ tiếp tục giao cho Giám đốc được chủ động quyết định sử dụng và quản lý nguồn tiền nhàn rỗi trên nguyên tắc bảo toàn vốn, đảm bảo hiệu quả, lợi ích và mang lại lợi nhuận cao nhất cho Công ty.
- Bên cạnh việc quản lý, giám sát chặt chẽ việc sử dụng nguồn vốn, HĐQT còn chỉ đạo Ban Giám đốc tích cực và cẩn trọng trong công tác quản lý, thu hồi công nợ đối với các khách hàng, trích lập dự phòng theo đúng quy định. Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc tại báo cáo số 27/BC-SMBĐ ngày 10/01/2020 về việc cho phép trích lập dự phòng khoản nợ phải thu của Công ty TNHH đóng tàu và cơ khí Hàng Hải (Sofel), HĐQT đã thống nhất cho phép Công ty trích lập dự phòng cho năm tài chính 2019 với số tiền 1.014.893.904 đồng (*Một tỷ không trăm mười bốn triệu tám trăm chín mươi ba nghìn chín trăm lẻ tư đồng*) tương ứng 7,5% số nợ của Công ty này theo Quyết định số 11/QĐ-HĐQT ngày 16/01/2020.
- Công tác quản lý vốn tại Công ty Sopewaco: HĐQT đã chỉ đạo sát sao Công ty và người đại diện phần vốn bám sát, theo dõi chặt chẽ, báo cáo kịp thời tình hình hoạt động SXKD của Công ty này. Đồng thời, tích cực tìm kiếm các đối tác, nhà đầu tư để thoái toàn bộ vốn tại công ty này theo chủ trương của ĐHĐCĐ.

2. Ban Kiểm Soát:

2.1. Thành viên Ban kiểm soát:

① Ông NGÔ VĂN LẬP

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Sinh ngày: 15/01/1971 tại Nam Định

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0



QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 11/1994 – 08/1997: Chuyên viên Phòng Nhập – Công ty Thương Mại Dầu khí Petechim.
- + 09/1997 – 07/2007: Chuyên viên Ban Xuất dầu thô – Công ty Thương Mại Dầu khí Petechim (hiện nay là Tổng Công ty PV Oil).
- + 08/2007 – 12/2011: Phó phòng Tổ chức Hành chính, Thư ký HĐQT – Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
- + 01/2012 – đến nay: Trưởng Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình (SMBĐ).

**② Ông CHÂU HOÀI THANH
THÀNH VIÊN**



Sinh ngày: 15/08/1978 tại Đồng Nai
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 04/2002 – 10/2007: Cty TNHH Chăn nuôi CP VN
- + 11/2007 – 05/2009: Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty PTSC.
- + 06/2009 – 01/2010: Phụ trách kế toán – Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng – Tổng Công ty PTSC.
- + 02/2010 – 08/2010: Trưởng phòng Quản lý Vốn và Đầu tư Tài chính – Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty PTSC.
- + 09/2010 – 04/2011: Kế toán Trưởng Công ty TNHH 1 TV Đóng tàu Nhơn Trạch.
- + 05/2011 – đến nay: Trưởng Phòng Quản lý Vốn và Đầu tư Tài chính – Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty PTSC.

**③ Bà ĐÌNH THỊ NGỌC THANH
THÀNH VIÊN**



Sinh ngày: 16/03/1974
Trình độ chuyên môn: Kế toán
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0
Bắt đầu nhiệm kỳ ngày: 08/11/2017

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- + 1998 – 2005: Kế toán Công ty Cổ phần Sản xuất Cao su Y tế
- + 2006 – 2008: Kế toán Công ty Mỹ Phẩm Sài Gòn
- + 2009 – 2011: Kế toán Công ty Cổ phần In tổng hợp LINKSIN
- + 2011 – 2015: Kế toán trưởng Công ty TNHH Phát triển khoa học công nghệ thương mại thiên văn.
- + 2015 – nay: Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Việt Anh

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

2.2.1. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

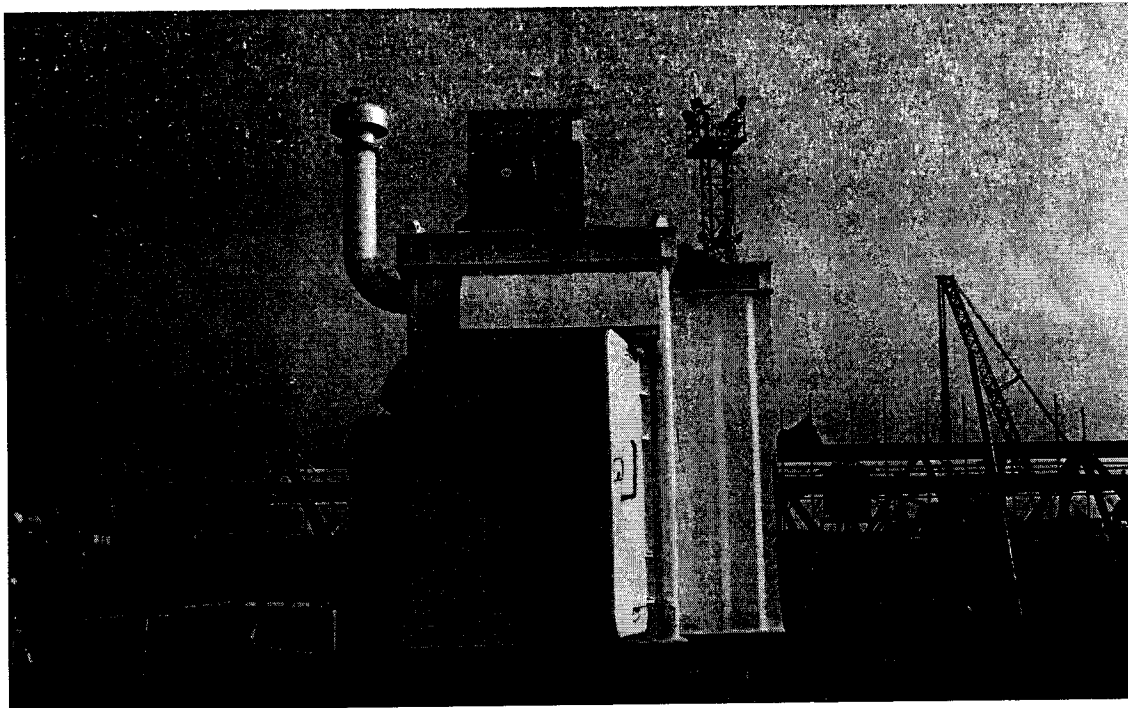
- Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng quý, phân công trách nhiệm cho từng thành viên Ban Kiểm soát theo từng lĩnh vực, thực hiện kiểm tra, giám sát theo kế hoạch.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát quá trình chuẩn bị, triển khai và quyết toán các dự án đầu tư, các hoạt động đầu tư, xây dựng, đấu thầu.
- Thẩm định Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính; phân tích, đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu; xem xét, thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất, phạm vi và kết quả kiểm toán.
- Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, các đoàn kiểm tra, kiểm toán của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty PTSC trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị.
- Phối hợp với HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý vốn chủ sở hữu, quản lý phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác, với mục đích bảo toàn và phát triển vốn.

2.2.2 Đánh giá hoạt động:

- Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Giám đốc trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. HĐQT và Ban Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ. Cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty; Ban Kiểm soát được mời tham đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban của Công ty và các cuộc họp khác.
- Ban Kiểm soát xem xét kết quả kiểm tra, kiểm soát nội bộ, Báo cáo kiểm toán của Công ty kiểm toán Deloitte Việt Nam, xem xét ý kiến phản hồi của Ban lãnh đạo Công ty. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát đã được tham khảo ý kiến HĐQT trước khi trình ĐHĐCĐ.
- Ban Kiểm soát thẩm định Báo cáo Tài chính; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi trình HĐQT và Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động quản lý, điều hành, tình hình quản lý và sử dụng vốn, khả năng thanh toán, công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, tình hình ghi chép sổ sách kế toán và lập Báo cáo Tài chính hàng quý của Ban Kiểm soát đều được gửi tới HĐQT và Ban Giám đốc.

2.2.3. Kiến nghị của Ban kiểm soát:

- Nhằm đảm bảo chiến lược phát triển bền vững, Công ty cần chú trọng công tác quản trị rủi ro trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Để thu hút nguồn nhân sự chất lượng cao và thực hiện tốt quy hoạch cán bộ quản lý, Công ty cần tiếp tục xây dựng và kiện toàn chính sách lương thưởng, hoàn thiện hệ thống đánh giá công việc một cách hiệu quả, công bằng và chuyên nghiệp, đảm bảo người lao động được đãi ngộ xứng đáng và gắn bó lâu dài với SMBĐ.
- Tăng cường công tác kiểm soát ngân sách, tiết kiệm chi phí, bảo đảm tối ưu hiệu quả sản xuất kinh doanh.



(Lắp đặt và hoàn thiện Phòng UPS & Battery cho XN Xây lắp, Khảo sát và Sửa chữa - VSP)



(Ban lãnh đạo Công ty làm việc với MATRADE do Phòng Thương vụ Malaysia tổ chức)

VI. KẾ HOẠCH NĂM 2020

1. Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính

1.1. Kế hoạch tài chính chủ yếu

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch 2020
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	562,44
+	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	500,00
+	Trong đó, tỷ lệ tham gia của PTSC	%	51,00%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	189,28
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,22
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,89
5	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Tỷ đồng	1,14

1.2. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch 2020
1	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	25,57
2	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	26,68
+	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	26,68
+	Vốn Vay/khác	Tỷ đồng	-

2. Kế hoạch thực hiện cụ thể

2.1. Giải pháp về quản lý:

- Nâng cao công tác quản lý hành chính, quản lý dự án, cải tiến hệ thống để nâng cao năng suất của Công ty, tái cơ cấu bộ máy theo hướng tinh giản, gọn nhẹ nhằm sử dụng tối ưu hóa mọi nguồn lực để giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Kiện toàn chức năng nhiệm vụ các phòng ban phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty, thực hiện văn hóa doanh nghiệp chuyên nghiệp, văn minh để người lao động có động lực phát huy tối đa năng lực làm việc.

2.2. Giải pháp về thị trường:

- Tập trung phát triển năng lực, là đơn vị con của Tổng Công ty DVKT, tận dụng các thế mạnh như thương hiệu, nguồn lực, hệ thống quản lý, kinh nghiệm... để đảm nhận những công việc phức tạp và giá trị lớn.
- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Tổng Công ty, các đơn vị trong ngành và đặc biệt các đơn vị trong cùng Tổng Công ty để tìm kiếm nguồn việc mới, kịp thời cung cấp và đáp ứng nhu cầu dịch vụ.
- Cải tiến các lợi ích của sản phẩm dịch vụ, áp dụng quyết liệt đề án năng lực cạnh tranh với mục tiêu là tăng cường chất lượng hướng tới các nhu cầu của khách hàng. Thực hiện tốt công tác chăm sóc khách hàng và tiếp nhận phản hồi của khách hàng để thực hiện cải tiến các dịch vụ cung cấp kịp thời.
- Đẩy mạnh tìm kiếm, hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước có năng lực phù hợp để cùng triển khai đầu tư xây dựng dự án Căn cứ DVHH Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.

2.3. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:

- Tổ chức sắp xếp, phân công lao động khoa học, hợp lý, tạo sự chuyên môn hóa sâu trong lao động.
- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách riêng nhằm thu hút, đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao, kỷ luật nghiêm minh, gắn kết đãi ngộ với đóng góp, phát huy tính tự giác trong lao động.

2.4. Giải pháp về đầu tư:

- Tiếp tục rà soát cơ sở hạ tầng, nguồn lực hiện có của Công ty và các đơn vị trong cùng Tổng Công ty để xem xét sử dụng nguồn lực hiệu quả và tính toán đầu tư xây dựng cầu cảng đáp ứng nhu cầu thị trường cung ứng dịch vụ kho bãi hiện có của Công ty.
- Tăng cường kiểm tra giám sát, đẩy mạnh tiến độ và quản lý đầu tư chặt chẽ theo kế hoạch.
- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; thủ tục xin ưu đãi đầu tư đầu tư dự án cần tiếp tục tích cực liên hệ với cơ quan ban ngành chức năng, trên cơ sở thực hiện đúng các quy định pháp luật và quy chế, quy định của Công ty.

2.5. Giải pháp về tài chính:

- Sử dụng các công cụ quản trị rủi ro trong quản lý nguồn vốn và tài sản.
- Tăng cường công tác quản trị, quản lý, hạch toán kinh tế và sử dụng đồng tiền, công tác thu hồi công nợ,... đảm bảo tính tự chủ và an toàn về tài chính.
- Quản lý chặt chẽ nguồn tiền gửi, theo dõi sát sao diễn biến thị trường tài chính trong nước cũng như quốc tế để nắm bắt tình hình, có những hành động kịp thời đảm bảo tài chính cho Công ty.

4814
TY
HÀN
ĐẦU K
BẾN ĐÌNH
BÀ RI

2.6. Giải pháp về an toàn, môi trường và phát triển bền vững:

- Không ngừng củng cố và hoàn thiện các hệ thống quản lý và kiểm soát chất lượng, an toàn, sức khỏe, môi trường, đảm bảo duy trì ổn định và ngày càng nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ của Công ty.
- Liên tục tuyên truyền, quản lý hệ thống đến từng CBCNV để nâng cao ý thức an toàn trong lao động, bảo vệ môi trường, tiết kiệm chống lãng phí, hăng say trong công việc nhằm nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.
- Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể quan tâm, chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động.

VII. MINH BẠCH THÔNG TIN VÀ TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG:

1. Minh bạch thông tin:

Nhận thức được tầm quan trọng và xem vai trò của minh bạch thông tin là một phần không thể thiếu trong sự phát triển bền vững, lâu dài của Công ty. Công ty SMBĐ đã xây dựng và không ngừng cải tiến hệ thống quản trị nội bộ, quy trình trao đổi thông tin trong và ngoài Công ty, tạo sự liên kết trong nội bộ SMBĐ, giữa SMBĐ với các cổ đông, cộng đồng và xã hội. Trong những năm qua, Công ty đã tiếp đón nhiều cổ đông, quỹ đầu tư, công ty chứng khoán, các đối tác chiến lược,... nhằm giới thiệu về quá trình hình thành và phát triển của Công ty, cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính cũng như chia sẻ kế hoạch đầu tư, định hướng phát triển kinh doanh của SMBĐ trong tương lai. Công ty đã ban hành quy trình công bố thông tin để toàn thể cán bộ công nhân viên nhận thức được vai trò của minh bạch thông tin và nắm được quy trình công bố thông tin theo đúng pháp luật, là cơ sở để quản lý hoạt động trao đổi thông tin dễ dàng hơn. Công ty đã tuân thủ đầy đủ và kịp thời việc cung cấp thông tin định kỳ theo quy định như Báo cáo Tài chính, Báo cáo thường niên, Báo cáo tình hình quản trị,... và các báo cáo khác theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán. Thông tin được thường xuyên cập nhật và đăng tải trên website www.pvsvb.com.vn đảm bảo tính công khai và minh bạch về hoạt động của Công ty. Việc minh bạch thông tin và tuân thủ các quy định về công bố thông tin, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội xét là một trong những công ty niêm yết minh bạch trên sàn chứng khoán UPCOM.

2. Quan hệ cổ đông:

Trong những năm qua, công tác quan hệ cổ đông đã trở thành một cầu nối vững chắc kết nối PVSB với cộng đồng nhà đầu tư. Thông tin luôn được cung cấp trung thực, kịp thời đã mang đến cho nhà đầu tư một bức tranh rõ nét về Công ty SMBĐ. Và với thái độ cầu thị, SMBĐ đã tiếp nhận nhiều phản hồi tích cực từ cộng đồng nhà đầu tư để hoàn thiện và phát triển hệ thống quản trị doanh nghiệp theo xu hướng bền vững, hài hòa với lợi ích môi trường và xã hội.

3. Trách nhiệm cộng đồng:

Bên cạnh nỗ lực không ngừng vươn tầm lớn mạnh, SMBĐ cũng luôn ý thức gìn giữ và phát huy truyền thống tương thân tương ái của dân tộc thông qua các hoạt động phát triển cộng đồng hướng đến mục tiêu phát triển bền vững của Công ty với phương châm:

SMBĐ CHĂM LO CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI HƯỚNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG MANG UY TÍN THƯƠNG HIỆU TỎA RỘNG

Phát huy truyền thống đoàn kết của Tổng Công ty PTSC các hoạt động xã hội đền ơn đáp nghĩa, tương thân tương ái luôn được phát huy. Mặc dù trong giai đoạn khó khăn nhưng cán bộ công nhân viên PVSB luôn giữ vững truyền thống trên qua công tác từ thiện xã hội được các tổ chức Đảng, chuyên môn, Công đoàn, Đoàn thanh niên chú trọng, thường xuyên vận động CBCNV thực hiện tốt các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, có hoàn cảnh khó khăn.

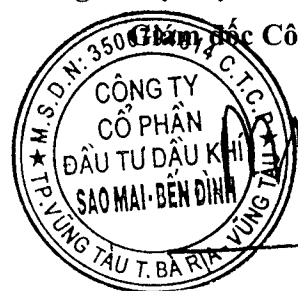

Chung vai phát triển cộng đồng đã thực sự trở thành sứ mệnh và tâm nguyện của toàn thể Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty SMBĐ. Xuyên suốt trong năm 2019, các hoạt động an sinh - xã hội vì một cộng đồng lành mạnh đã được Công đoàn, Đoàn thanh niên cùng toàn thể CBCNV của Công ty thực hiện liên tục và rộng khắp cả nước với mục tiêu chung tay hành động góp sức xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, văn hóa, xã hội....

VIII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019 (đính kèm):

Vũng Tàu, ngày 27 tháng 04 năm 2020

Người đại diện theo pháp luật

Giám đốc Công ty



Phùng Như Dũng



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Hải Bình	Chủ tịch
Ông Phùng Như Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Đạt	Thành viên
Ông Nguyễn Lê Phương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phùng Như Dũng	Giám đốc
Ông Đặng Đức Hồi	Phó Giám đốc
Ông Trần Chí Dũng	Phó Giám đốc
Ông Trần Đức Hạnh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

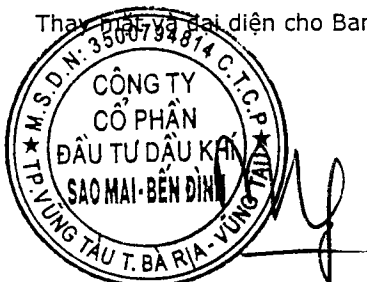
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phùng Như Dũng
Giám đốc

Ngày 09 tháng 4 năm 2020

Số: 0817 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 4 năm 2020, từ trang 4 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc Kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được trình bày tại Thuyết minh số 8, tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019, bao gồm trong số dư khoản phải thu khách hàng là khoản phải thu từ khách hàng đã quá hạn với số tiền là 13.531.918.730 đồng. Căn cứ vào sổ sách kế toán hiện có của Công ty, chúng tôi không thể thu thập được bằng chứng thích hợp về khả năng thu hồi của các khoản nợ phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Trong năm 2019, Công ty chưa đánh giá và ghi nhận khoản chi phí phạt do giao hàng chậm cho Liên doanh Việt Nga Vietsovetro với số tiền tối đa có thể là 1.091.214.120 đồng. Cho đến thời điểm lập Báo cáo kiểm toán này, hai bên vẫn đang thương thảo, do đó, Ban Giám đốc chưa xác định và ghi nhận số tiền phạt, nếu có. Căn cứ vào sổ sách kế toán hiện có của Công ty, chúng tôi không thể thu thập được bằng chứng thích hợp để xác định được số tiền phạt cần ghi nhận. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng, nếu có, của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

501
CÔ
CỔ
ƯT
SON
TÀI
25C
IN
ĐNI
VHIỆ
LO
ET
TP.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 28 của phần thuyết minh báo cáo tài chính đã trình bày việc Công ty không trích lập dự phòng cho khoản nợ tiềm tàng liên quan đến tiền thuê đất, vì cho rằng dự án cảng Sao Mai Bến Đình mà Công ty đang triển khai sẽ được công nhận là dự án đầu tư đặc biệt được hưởng ưu đãi theo hướng dẫn tại Nghị định số 46/2014/ND-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 ("Nghị định 46") và Nghị định số 118/2015/ND-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 ("Nghị định 118") do Chính phủ ban hành nên Công ty sẽ được miễn tiền thuê đất. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Minh Thảo
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1902-2018-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 8 tháng 4 năm 2020
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Trần Kim Long Hải
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1503-2018-001-1

948
CÔNG TY
HẢI
ĐẠI
BẾN
BÀ

002-C.T.
NH
TY
HỮU HẠN
ITE
AM
Ồ CHI M

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Số 65A3, đường 30/4
 Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu
 Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		498.022.177.685	506.712.788.796
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		79.174.083.567	36.910.087.406
1. Tiền	111	4	79.174.083.567	36.910.087.406
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		367.000.000.000	402.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	367.000.000.000	402.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		45.349.165.451	54.714.343.435
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	39.935.127.857	42.766.600.653
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.696.466.674	3.589.828.165
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	6.762.252.634	10.387.702.427
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	8	(3.044.681.714)	(2.029.787.810)
IV. Hàng tồn kho	140		512.014.874	5.731.283.609
1. Hàng tồn kho	141	9	512.014.874	5.731.283.609
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.986.913.793	7.357.074.346
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		339.167.948	311.992.292
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.433.866.485	6.486.593.631
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	213.879.360	558.488.423
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		281.638.440.721	291.918.610.557
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		3.000.000	3.000.000
II. Tài sản cố định	220		80.939.341.358	86.803.652.456
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	80.939.341.358	86.803.652.456
- Nguyên giá	222		115.354.222.922	115.503.131.170
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.414.881.564)	(28.699.478.714)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		53.372.880	53.372.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53.372.880)	(53.372.880)
III. Bất động sản đầu tư	230	12	183.336.048.339	188.071.320.195
- Nguyên giá	231		229.280.786.454	229.280.786.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(45.944.738.115)	(41.209.466.259)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		16.168.416.172	16.450.644.162
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	16.168.416.172	16.450.644.162
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	-	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10.530.000.000	10.530.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(10.530.000.000)	(10.530.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.191.634.852	589.993.744
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.191.634.852	589.993.744
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		779.660.618.406	798.631.399.353

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Số 65A3, đường 30/4

Phường Thăng Nhất, Thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

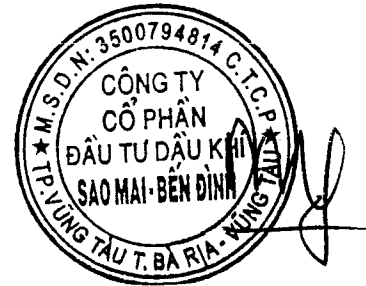
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		218.469.480.109	237.767.659.905
I. Nợ ngắn hạn	310		13.316.035.414	28.497.511.330
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	1.702.185.231	13.738.373.971
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	-	219.756.995
3. Phải trả người lao động	314		441.874.031	1.747.808.341
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.472.538.039	3.161.758.606
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	15	5.203.799.784	5.203.799.784
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	3.962.010.115	3.962.833.885
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		533.628.214	463.179.748
II. Nợ dài hạn	330		205.153.444.695	209.270.148.575
1. Chi phí phải trả dài hạn	333		199.903.984	-
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	15	196.275.763.280	201.479.563.064
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	17	8.601.586.955	7.714.395.035
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		76.190.476	76.190.476
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		561.191.138.297	560.863.739.448
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	561.191.138.297	560.863.739.448
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		44.351.392.969	44.351.392.969
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.839.745.328	16.512.346.479
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		16.426.398.013	15.730.996.790
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		413.347.315	781.349.689
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)	440		779.660.618.406	798.631.399.353

Phạm Thị Hương Giang
Người lập biểu

Phạm Minh Vĩ
Kế toán trưởng



Phùng Như Dũng
Giám đốc

Ngày 09 tháng 4 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Số 65A3, đường 30/4

Phường Thăng Nhất, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**MẪU SỐ B 02-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		181.403.172.972	198.882.664.592
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	21	181.403.172.972	198.882.664.592
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	177.061.750.310	191.286.853.144
4. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		4.341.422.662	7.595.811.448
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	24.690.248.386	26.019.290.958
6. Chi phí tài chính	22		16.588.068	36.690.411
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	36.690.411
7. Chi phí bán hàng	25		2.493.595.076	2.493.595.092
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	26.282.624.532	27.828.712.060
9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		238.863.372	3.256.104.843
10. Thu nhập khác	31		1.392.951.257	(75.933.855)
11. Chi phí khác	32		331.275.394	470.237.452
12. Lợi nhuận/ (Lỗ) khác (40=31-32)	40		1.061.675.863	(546.171.307)
13. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.300.539.235	2.709.933.536
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	-	1.041.391.927
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	17	887.191.920	887.191.920
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		413.347.315	781.349.689
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	8	14



Phạm Thị Hương Giang
Người lập biểu



Phạm Minh Vĩ
Kế toán trưởng



Phùng Như Dũng
Giám đốc

Ngày 09 tháng 4 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.300.539.235	2.709.933.536
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	11.437.574.537	10.589.541.528
Các khoản dự phòng	03	1.014.893.904	2.029.787.810
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(3.576.337)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(24.911.157.477)	(26.015.714.621)
Chi phí lãi vay	06	-	36.690.411
3. Lỗ từ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(11.158.149.801)	(10.653.337.673)
Thay đổi các khoản phải thu	09	(1.095.632.290)	(4.899.182.485)
Thay đổi hàng tồn kho	10	5.219.268.735	(601.970.535)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(7.515.776.284)	(5.231.646.463)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(628.816.764)	613.115.197
Tiền lãi vay đã trả	13	-	(36.690.411)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(219.756.995)	(383.830.281)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(15.500.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(15.414.363.399)	(21.193.542.651)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(3.163.469.152)	(9.895.760.588)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	220.909.091	-
3. Tiền chi đầu tư hợp đồng tiền gửi	23	(227.000.000.000)	(305.000.000.000)
4. Tiền thu hồi từ các hợp đồng tiền gửi	24	262.000.000.000	320.000.000.000
5. Tiền thu lãi tiền gửi	27	25.620.919.621	26.623.662.682
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	57.678.359.560	31.727.902.094
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ vay ngắn hạn	33	-	15.000.000.000
2. Tiền trả nợ vay ngắn hạn	34	-	(15.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	42.263.996.161	10.534.359.443
Tiền đầu năm	60	36.910.087.406	26.372.151.626
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	3.576.337
Tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	79.174.083.567	36.910.087.406

Phạm Thị Hương Giang
Người lập biểu

Phạm Minh Vĩ
Kế toán trưởng



Phùng Như Dũng
Giám đốc
Ngày 09 tháng 4 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 49121000147 ngày 27 tháng 9 năm 2012 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Giấy Chứng nhận Đầu tư này thay thế cho Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4903000636 ngày 07 tháng 5 năm 2007 và các giấy phép điều chỉnh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Upcom với mã chứng khoán là PSB.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 81 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 81 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đầu tư là khai thác cụm cảng và khu kinh tế Sao Mai - Bến Đình, khai thác cụm cảng container, sản xuất, sửa chữa và cho thuê container; xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí; lắp ráp giàn khoan và các công trình nổi phục vụ ngành dầu khí; đóng mới và sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nổi; kinh doanh máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí và hàng hải, phân bón, vật liệu xây dựng, hóa chất; kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy nội bộ; cho thuê các thiết bị vận tải, kho bãi.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam ('VND'), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

79.
G
H
D
B
B



Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chủ yếu là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập phù hợp với các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, và các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 7
Máy móc, thiết bị	7 - 15
Phương tiện vận tải	7
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản hữu hình khác	5 - 40

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm (05) năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm cơ sở hạ tầng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được thanh toán là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	81.482.571	95.016.239
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	79.092.600.996	36.815.071.167
	79.174.083.567	36.910.087.406

5. ĐẦU TƯ NẪM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc/Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc/Giá trị ghi sổ VND
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	367.000.000.000	402.000.000.000
	367.000.000.000	402.000.000.000

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Đầu tư vào đơn vị khác (**)	10.530.000.000	10.530.000.000	10.530.000.000	10.530.000.000
	10.530.000.000	10.530.000.000	10.530.000.000	10.530.000.000

(*) Các khoản đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm với lãi suất được hưởng từ 6% đến 7%/năm (năm 2018: từ 6% đến 6,8%/năm).

(**) Đây là khoản vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (Sopewaco), với số tiền đầu tư tương đương 13,16% vốn điều lệ của Sopewaco. Sopewaco phát sinh khoản lỗ vượt quá vốn chủ sở hữu từ các năm trước; do đó, Công ty quyết định trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư này. Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Các bên thứ ba		
- Công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí Hàng Hải Sài Gòn	13.531.918.730	13.531.918.730
- Công ty TNHH Hải Lưu	7.647.795.485	6.894.177.730
- Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro	5.323.730.401	6.814.031.884
b. Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	13.431.683.241	15.526.472.309
	39.935.127.857	42.766.600.653

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi dự thu từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn	6.037.589.038	6.968.260.273
Trích trước doanh thu từ dự án Sao Vàng Đại Nguyệt (Thuyết minh số 29)	-	3.200.632.032
Khác	724.663.596	218.810.122
	6.762.252.634	10.387.702.427

8. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí Hàng Hải Sài Gòn	13.531.918.730	3.044.681.714	13.531.918.730	2.029.787.810
	13.531.918.730	3.044.681.714	13.531.918.730	2.029.787.810



9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên vật liệu	239.600.000	406.280.000
Hàng hóa	233.913.729	31.411.295
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	38.501.145	5.293.592.314
	512.014.874	5.731.283.609

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, hư hỏng cần trích lập dự phòng.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số dư đầu năm VND	Số phải thu/nộp trong năm VND	Số đã thực thu/nộp trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	219.756.995	-	219.756.995	-
Thuế nhập khẩu	-	30.366.492	30.366.492	-
Thuế thu nhập cá nhân	(483.942.043)	412.522.800	77.631.525	(149.050.768)
Thuế khác	(74.546.380)	21.934.852	12.217.064	(64.828.592)
	(338.731.428)	464.824.144	339.972.076	(213.879.360)

Trong đó:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(558.488.423)			(213.879.360)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	219.756.995			-

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản hữu hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	7.688.080.904	2.478.100.000	3.899.866.355	390.667.605	101.046.416.306	115.503.131.170
Tăng trong năm	-	-	-	-	144.756.575	144.756.575
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	39.985.000	-	-	-	653.250.008	693.235.008
Thanh lý	-	(537.494.000)	(449.405.831)	-	-	(986.899.831)
Số dư cuối năm	7.728.065.904	1.940.606.000	3.450.460.524	390.667.605	101.844.422.889	115.354.222.922
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	3.134.696.473	1.539.677.453	3.100.712.109	390.667.605	20.533.725.074	28.699.478.714
Khấu hao trong năm	1.220.725.851	103.647.612	116.570.316	-	5.261.358.902	6.702.302.681
Thanh lý	-	(537.494.000)	(449.405.831)	-	-	(986.899.831)
Số dư cuối năm	4.355.422.324	1.105.831.065	2.767.876.594	390.667.605	25.795.083.976	34.414.881.564
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	4.553.384.431	938.422.547	799.154.246	-	80.512.691.232	86.803.652.456
Số dư cuối năm	3.372.643.580	834.774.935	682.583.930	-	76.049.338.913	80.939.341.358

Nguyên giá các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 6.270.386.037 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 5.237.381.779 đồng).

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Cơ sở hạ tầng VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm và cuối năm	<u>229.280.786.454</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	41.209.466.259
Khấu hao trong năm	<u>4.735.271.856</u>
Số dư cuối năm	<u>45.944.738.115</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	<u>188.071.320.195</u>
Tại ngày cuối năm	<u>183.336.048.339</u>

Chi tiết nguyên giá bất động sản đầu tư của Công ty như sau:

	Nguyên giá đầu năm và cuối năm VND
Dự án Cơ sở hạ tầng - 39,8 héc ta (i)	131.881.668.267
Dự án Cơ sở hạ tầng - 23 héc ta (ii)	<u>97.399.118.187</u>
	<u>229.280.786.454</u>

(i) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng trên diện tích đất 39,8 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của dự án Sao Mai Bến Đình đã hoàn thành năm 2009 và sau đó được thuê bởi Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí từ năm 2010. Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê là 48 năm.

(ii) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng trên diện tích đất 23 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của dự án Sao Mai - Bến Đình được thuê bởi Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí năm 2010. Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 49 năm.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, cần trình bày giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư vì Công ty nắm giữ bất động sản đầu tư dài hạn nhằm mục đích cho thuê để thu lợi ích và không có kế hoạch chuyển nhượng trong tương lai gần.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	16.450.644.162	82.986.651.083
Tăng trong năm	411.007.018	2.882.681.928
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(693.235.008)	(69.418.688.849)
Số dư cuối năm	<u>16.168.416.172</u>	<u>16.450.644.162</u>

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Căn cứ Dịch vụ hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	14.152.455.523	14.152.455.523
Khu Dịch vụ Dầu khí 35 ha Sao Mai - Bến Đình	1.934.142.467	2.216.370.457
Dự án khác	81.818.182	81.818.182
	<u>16.168.416.172</u>	<u>16.450.644.162</u>

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẪN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Các bên thứ ba		
- Công ty TNHH Hải Lưu	909.607.818	94.337.958
- Tổng Công ty 319 Bộ Quốc Phòng	-	1.627.307.376
- Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại Điện Quang Phát	-	235.000.000
- Công ty TNHH Dịch vụ kỹ thuật Sao Đại Dương	-	10.043.644.094
- Các đơn vị khác	792.577.413	1.528.461.494
b. Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	-	209.623.049
	<u>1.702.185.231</u>	<u>13.738.373.971</u>

Các khoản phải trả người bán đều có khả năng thanh toán khi đến hạn.

15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền Công ty được trả trước từ việc cho thuê cơ sở hạ tầng tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình, Thành phố Vũng Tàu. Doanh thu chưa thực hiện này được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh hàng năm trong thời gian 48 và 49 năm.

Chi tiết số dư doanh thu chưa thực hiện của Công ty như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước	<u>5.203.799.784</u>	<u>5.203.799.784</u>
b. Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước	<u>196.275.763.280</u>	<u>201.479.563.064</u>

16. PHẢI TRẢ NGẪN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức phải trả	3.961.145.310	3.962.833.885
Khác	864.805	-
	<u>3.962.010.115</u>	<u>3.962.833.885</u>

17. THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận trên khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của bất động sản đầu tư do có sự khác biệt về thời gian tính khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính là 25 năm và thời gian tính khấu hao của Công ty áp dụng là 48 và 49 năm. Công ty hiện áp dụng thuế suất 20% là mức thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty ghi nhận tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	Chênh lệch khấu hao VND
Số dư đầu năm	7.714.395.035
Ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	887.191.920
Số dư cuối năm	<u>8.601.586.955</u>

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	500.000.000.000	44.351.392.969	15.781.128.788	560.132.521.757
Lợi nhuận trong năm	-	-	781.349.689	781.349.689
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(50.131.998)	(50.131.998)
Số dư đầu năm nay	<u>500.000.000.000</u>	<u>44.351.392.969</u>	<u>16.512.346.479</u>	<u>560.863.739.448</u>
Lợi nhuận trong năm	-	-	413.347.315	413.347.315
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(85.948.466)	(85.948.466)
Số dư cuối năm nay	<u>500.000.000.000</u>	<u>44.351.392.969</u>	<u>16.839.745.328</u>	<u>561.191.138.297</u>

Theo Quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông số 51/QĐ-SMBĐ-ĐHĐCĐ ngày 01 tháng 04 năm 2019, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền 85.948.466 đồng từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2018.

Vốn điều lệ

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đầu tư 50 triệu cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần	<u>500.000.000.000</u>	<u>500.000.000.000</u>
Cổ phần đã phát hành và thu tiền 50 triệu cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần	<u>500.000.000.000</u>	<u>500.000.000.000</u>

Theo Giấy chứng nhận đầu tư, vốn điều lệ của Công ty là 500 tỷ đồng được chia thành 50.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Tình hình góp vốn của chủ sở hữu của Công ty không thay đổi trong năm tài chính và so sánh với Giấy chứng nhận đầu tư như sau:

	Theo giấy chứng nhận đầu tư		Vốn đã góp	
	Tỷ VND	%	Tỷ VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	210,25	42,05	255	51
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	50,92	10,18	-	-
Công ty TNHH SX TM Việt Anh	-	-	65,08	13,02
Các cổ đông khác	238,83	47,77	179,92	35,98
	<u>500</u>	<u>100</u>	<u>500</u>	<u>100</u>

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Thuê hoạt động

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>2.339.890.245</u>	<u>1.877.942.664</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	991.830.000	1.680.450.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.372.400.000	2.372.400.000
Sau năm năm	19.522.875.000	20.115.975.000
	22.887.105.000	24.168.825.000

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê phải trả cho việc thuê 5.000 m² (2018: 5.000 m²) tại bãi thi công của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, theo phụ lục hợp đồng thuê được ký với thời hạn được tính từ ngày 01 tháng 11 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2057.

Ngoại tệ

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư tiền bao gồm số ngoại tệ sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đồng Đô la Mỹ ("USD")	115.905	8.618

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động - Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí và Bộ phận kinh doanh cụm cảng. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí: Xây dựng công trình theo hợp đồng.
- Bộ phận kinh doanh cụm cảng: Cho thuê cơ sở hạ tầng là bất động sản đầu tư và các dịch vụ đi kèm.
- Bộ phận kinh doanh hàng hóa: kinh doanh máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí và hàng hải, phân bón, vật liệu xây dựng, hóa chất.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31/12/2019	Bộ phận kinh doanh cụm cảng VND	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí VND	Bộ phận kinh doanh khác (đạm, khí LPG) VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận	286.893.290.424	28.260.087.771	7.647.795.485	322.801.173.680
Tài sản không phân bổ				456.859.444.726
Tổng tài sản				779.660.618.406
Nợ phải trả bộ phận	210.222.868.996	3.232.908.277	-	213.455.777.273
Nợ phải trả không phân bổ				5.013.702.836
Tổng nợ phải trả				218.469.480.109

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

2019

	Bộ phận kinh doanh cụm cảng VND	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí VND	Bộ phận kinh doanh khác (đạm, khí LPG) VND	Tổng VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	14.438.198.210	93.449.416.442	73.515.558.320	181.403.172.972
Tổng doanh thu	14.438.198.210	93.449.416.442	73.515.558.320	181.403.172.972

Kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả kinh doanh bộ phận	2.197.546.756	1.947.766.127	196.109.779	4.341.422.662
				(28.776.219.608)
Chi phí không phân bổ				(24.434.796.946)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh				24.690.248.386
Doanh thu hoạt động tài chính				1.061.675.863
Lợi nhuận khác				(16.588.068)
Chi phí tài chính				1.300.539.235
Lợi nhuận trước thuế				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(887,191,920)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				413.347.315
Lợi nhuận trong năm				

Thông tin khác

Khấu hao	11.437.574.537
----------	----------------

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31/12/2018	Bộ phận kinh doanh cụm cảng VND	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí VND	Bộ phận kinh doanh khác (đạm, khí LPG) VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận	300.054.605.634	37.640.399.896	6.894.177.730	344.589.183.260
Tài sản không phân bổ				454.042.216.093
Tổng tài sản				798.631.399.353
Nợ phải trả bộ phận	217.164.622.915	14.133.267.545	-	231.297.890.460
Nợ phải trả không phân bổ				6.469.769.445
Tổng nợ phải trả				237.767.659.905

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

2018	Bộ phận kinh doanh cụm cảng VND	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí VND	Bộ phận kinh doanh khác (đạm, khí LPG) VND	Tổng VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	18.978.291.870	67.248.645.391	112.655.727.331	198.882.664.592
Tổng doanh thu	18.978.291.870	67.248.645.391	112.655.727.331	198.882.664.592

Kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả kinh doanh bộ phận	2.514.509.856	4.747.660.858	333.640.734	7.595.811.448
Chi phí không phân bổ				(30.322.307.152)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh				(22.726.495.704)
Doanh thu hoạt động tài chính (Lỗ) khác				26.019.290.958
Chi phí tài chính				(546.171.307)
Lợi nhuận trước thuế				(36.690.411)
Lợi nhuận trước thuế				2.709.933.536
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.041.391.927)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(887.191.920)
Lợi nhuận trong năm				781.349.689
Thông tin khác				
Khấu hao				10.589.541.528

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam nên không có bộ phận theo khu vực địa lý cần báo cáo.

21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	5.203.799.784	5.203.799.784
Doanh thu cung cấp dịch vụ	84.888.863.088	64.615.445.227
Doanh thu bán hàng	91.310.510.100	129.063.419.581
	181.403.172.972	198.882.664.592

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư	4.735.271.856	4.735.271.856
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	81.558.649.351	58.216.656.204
Giá vốn của hàng bán	90.767.829.103	128.334.925.084
	177.061.750.310	191.286.853.144

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.528.575.090	6.926.384.823
Chi phí nhân công	41.246.521.327	36.064.492.492
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.437.574.537	10.589.541.528
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.299.034.189	39.280.919.774
Chi phí khác bằng tiền	6.105.653.304	5.534.186.709
	110.617.358.447	98.395.525.326

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	24.690.248.386	26.015.714.621
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	3.576.337
	24.690.248.386	26.019.290.958

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương	11.506.113.201	12.718.851.026
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	2.466.161.094	2.366.600.055
Dự phòng phải thu khó đòi	1.014.893.904	2.029.787.810
Chi phí khấu hao	3.098.332.031	2.246.729.630
Chi phí vật liệu văn phòng	1.047.809.155	1.190.050.513
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.468.338.757	3.713.477.735
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.680.976.390	3.563.215.291
	26.282.624.532	27.828.712.060

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	1.300.539.235	2.709.933.536
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(4.435.959.601)	(4.435.959.601)
- <i>Chênh lệch khấu hao</i>	(4.435.959.601)	(4.435.959.601)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.656.464.224	2.824.811.039
Lãi/ (Lỗ) tính thuế	(1.478.956.142)	1.098.784.974
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	219.756.995
Bổ sung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	-	821.634.932
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	1.041.391.927

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% (năm 2018: 20%) trên thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có khoản lỗ tính thuế 6.402.093.738 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 6.208.950.675 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại cho khoản lỗ này do không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai.

Các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm hết hạn	Tình hình quyết toán thuế	Lỗ tính thuế VND
2020	Đã quyết toán	337.460.083
2021	Chưa quyết toán	868.295.982
2022	Chưa quyết toán	3.717.381.531
2024	Chưa quyết toán	1.478.956.142
		6.402.093.738

Cơ quan thuế chưa thực hiện việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty từ năm 2016. Số thuế phải nộp trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được Cơ quan thuế quyết toán. Do cách hiểu khác nhau trong việc áp dụng luật thuế và các quy định hiện hành trong việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện nay nên có thể dẫn đến sự khác biệt về số thuế phải nộp của Công ty khi Cơ quan thuế tiến hành quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế	413.347.315	781.349.689
<i>Trừ: Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)</i>	-	(85.948.466)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	413.347.315	695.401.223
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.000.000	50.000.000
(Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8	14

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được trình bày lại theo số thực tế quỹ khen thưởng, phúc lợi được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 phê duyệt. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Ban Giám đốc Công ty chưa thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm hiện hành.

28. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đang trong quá trình xin điều chỉnh giấy phép đầu tư để dự án cảng Sao Mai Bến Đình được công nhận là dự án cảng biển thuộc danh mục đầu tư đặc biệt ưu đãi theo quy định tại Nghị định 118/2015/NĐ-CP ban hành ngày 12 tháng 11 năm 2015 ("Nghị định 118"). Theo quy định tại Nghị định 46/2014/NĐ-CP ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2014 ("Nghị định 46"), các dự án đầu tư đặc biệt ưu đãi được miễn tiền thuê đất trong 11 năm tiếp theo sau khi được miễn tiền thuê đất tối đa 3 năm trong giai đoạn xây dựng cơ bản. Theo đó, Công ty không ghi nhận khoản tiền thuê đất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, vì Công ty tin rằng dự án cảng Sao Mai Bến Đình mà Công ty đang triển khai sẽ được công nhận là dự án đầu tư đặc biệt ưu đãi theo quy định tại Nghị định 118 nên sẽ được tiếp tục miễn tiền thuê đất theo Nghị định 46.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ('PTSC')

<u>Tên đầy đủ</u>	<u>Tên viết tắt</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	PTSC	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	PTSC - M&C	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí PTSC	PTSC - Hotel	Thành viên PTSC
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	PTSC - SB	Thành viên PTSC
Chi nhánh Tổng công ty CỔ PHẦN Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Xây dựng PTSC	PTSC - Ban xây dựng	Thành viên PTSC
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	PTSC - Đà Nẵng	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	PV Shipyard	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	PTSC - POS	Thành viên PTSC

5/5/1
 C
 U
 C
 O
 I
 1/2/

11007
 CH
 GI
 RÁCH
 DE
 VIỆ
 1/1-1

Các thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ('PVN')

<u>Tên đầy đủ</u>	<u>Tên viết tắt</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	PVN	Công ty mẹ của PTSC
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	PVC - MS	Thành viên PVN
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	DQS	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	PVC - PT	Thành viên PVN
Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn	BSR	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam	PV Gas South	Thành viên PVN
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - XN Phân phối khí thấp áp Miền Bắc	PV GAS D - NT	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	PVFCCo - ĐNB	Thành viên PVN
Công ty Bảo Hiểm PVI Vũng Tàu	PVI Vũng Tàu	Thành viên PVN
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam	PVI Phía Nam	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	PSI	Thành viên PVN
Công ty cổ phần Xăng Dầu Vũng Tàu	PV Oil Vũng Tàu	Thành viên PVN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<u>Doanh thu</u>		
<u>Các thành viên thuộc PTSC</u>		
PTSC	237.642.134	1.416.888.296
PTSC - M&C	55.702.958.977	44.072.770.350
PTSC - Ban xây dựng	857.089.138	2.944.081.195
PV Shipyard	15.978.550.132	13.178.759.817
PTSC - POS	5.227.928.000	-
<u>Các thành viên thuộc PVN</u>		
PVS - MS	<u>3.243.918.985</u>	<u>3.756.960.356</u>

	Năm nay VND	Năm trước VND
<u>Mua hàng hóa, dịch vụ</u>		
<u>Các thành viên thuộc PTSC</u>		
PTSC	-	83.980.474
PTSC - Hotel	10.981.927	16.461.500
PTSC - M&C	180.298.565	455.492.580
PTSC - SB	302.138.950	136.443.900
PTSC - Đà Nẵng	17.954.545	42.672.728
PV Shipyard	8.881.257.604	3.815.438.000
<u>Các thành viên thuộc PVN</u>		
PVN	27.099.335	13.429.374
PV Gas South	73.319.448.541	101.000.151.474
PVI Vũng Tàu	359.649.594	391.328.696
PVI South	26.336.703	22.198.377
PVC - MS	139.573.979	45.000.000
PSI	<u>10.000.000</u>	<u>10.000.000</u>

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng thu nhập	<u>1.679.758.975</u>	<u>2.486.143.634</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải thu		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC	2.212.441.235	2.763.934.891
PTSC - M&C	6.871.646	36.291.178
PTSC - Ban xây dựng	1.461.386.153	2.609.644.550
PV Shipyard	5.794.310.613	7.221.383.077
Các thành viên thuộc PVN		
PVS - MS	3.669.873.594	2.158.418.639
PVC - PT	286.800.000	286.800.000
DQS	-	449.999.974
	13.431.683.241	15.526.472.309
Phải thu khác		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC - M&C	-	3.200.632.032
	-	3.200.632.032
Các khoản phải trả		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC - SB	-	19.342.180
PTSC - M&C	-	190.280.869
	-	209.623.049

30.

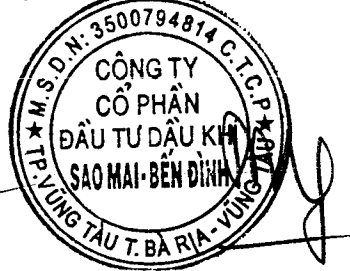
THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định trong năm không bao gồm 141.718.977 đồng (năm 2018: 2.766.865.032 đồng), là số tiền dùng để mua sắm và xây dựng tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán nhưng đã bao gồm 2.766.865.032 đồng là số tiền dùng để mua sắm và xây dựng tài sản cố định chưa được thanh toán năm trước và đã được thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 6.037.589.038 đồng (2018: 6.968.260.273 đồng), thể hiện khoản thu nhập từ lãi tiền gửi chưa nhận được tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 nhưng đã bao gồm 6.968.260.273 đồng là lãi tiền gửi dự thu năm trước nhận được trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.


Phạm Thị Hương Giang
Người lập biểu


Phạm Minh Vĩ
Kế toán trưởng


Phùng Như Dũng
Giám đốc
Ngày 09 tháng 4 năm 2020

